CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THIEN LONG GROUP CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021
Ho Chi Minh City, 30 June, 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission***
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG / THIEN LONG GROUP CORPORATION**

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol* : TLG

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address* : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM/ *Lot 6-8-10-12, Road No.3, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Viet Nam*

Điện thoại/ *Telephone* : +84 28 3750 5555 Fax: +84 28 3750 5577

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:* TRẦN PHƯƠNG NGA

Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*

Loại thông tin công bố : ☐ Định kỳ ☑ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu

Information disclosure type: ☐ *Periodic* ☑ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

- Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020.
- *The Resolution and Minutes of the Annual General Meeting of Shareholders for the financial year 2020.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/06/2021 tại đường dẫn http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong

This information was disclosed on Company's website on date 30/06/2021, available at: http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ

- The Resolution and Minutes of of the AGM

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

TRẦN PHƯƠNG NGA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 ngày 29/06/2021.*

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long được tổ chức lúc 16 giờ 30 phút vào ngày 29 tháng 06 năm 2021 và kết thúc lúc 19 giờ cùng ngày, tại Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, với tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự là 50 người, sở hữu và đại diện cho 53.385.173 cổ phần, chiếm 68,62% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Sau khi thảo luận và biểu quyết, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại cuộc họp thường niên năm tài chính 2020 đã thống nhất các Quyết nghị sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất năm 2020 và Định hướng phát triển năm 2021 của Tập đoàn.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020

- Đại hội thống nhất thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	**Số tiền** ***Đơn vị tính: ngàn VNĐ***
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	**239.845.037**
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho HĐQT	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	**13.767.704**

- Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0%

Điều 6. Thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Đại hội thống nhất thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Phân phối lợi nhuận	Giá trị
1	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021	
	- Doanh thu thuần	3.000 tỷ đồng
	- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	280 tỷ đồng
2	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	- Cổ tức năm 2021	Dự kiến 20%/mệnh giá
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	12% từ lợi nhuận sau thuế
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% từ lợi nhuận sau thuế
	- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	9,5 tỷ đồng/năm

- Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0%

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2021

Đại hội thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán có tên dưới đây để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH PwC Việt Nam
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0%

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội thống nhất thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như sau:

- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Phụ lục 1 đính kèm.
- Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Phụ lục 2 đính kèm.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,949405%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0,050576%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT

Đại hội thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Phụ lục 3: Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Đại hội thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Phụ lục 4: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 11. Thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn Thiên Long

Xét tình hình hoạt động và vận hành hiện nay của Tập đoàn, HĐQT đề xuất tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn theo hướng để Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long (sau đây gọi tắt là "**Thiên Long**") là Công ty mẹ, với chức năng hoạt động tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, phát triển thương hiệu Thiên Long và đầu tư, quản lý và điều phối nguồn vốn giữa các công ty con trực thuộc Thiên Long. Thiên Long sẽ chuyển giao toàn bộ dự án đầu tư sản xuất các loại văn phòng phẩm hiện tại của Thiên Long trên địa bàn Khu Công Nghiệp Tân Tạo theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814 được cấp ngày 06/12/2018 bởi Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là "**Dự án Nhà Máy Tân Tạo**") cho một công ty con mới thuộc sở hữu 100% bởi Thiên Long, để công ty con mới kế thừa và tiếp tục thực hiện Dự án này.

Trên cơ sở đó, ĐHĐCĐ thống nhất thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Tập đoàn Thiên Long, baso gồm:

1. Thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long bao gồm:
   - Thành lập một công ty con do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại văn phòng phẩm (dự kiến tên gọi là "**Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long**").
   - Góp vốn vào Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công

nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017, các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và bán thành phẩm gắn với Dự án Nhà Máy Tân Tạo ("**Tài Sản Góp Vốn**") và tiền mặt. Theo đó, Dự án Nhà Máy Tân Tạo sẽ được chuyển giao từ Thiên Long sang Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long để tiếp tục thực hiện.

- ĐHĐCĐ áp dụng quy định tại Điều 36, Khoản 1, Luật Doanh Nghiệp 2020 thống nhất việc tự ghi nhận giá trị Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long đúng bằng giá trị của Tài Sản Góp Vốn (theo giá trị còn lại trên sổ sách tính đến ngày 31/8/2021).
- Tổ chức và sắp xếp lại hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc chi tiết theo chủ trương nêu trên, bao gồm:

- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với:
  - Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long. Trong trường hợp tên doanh nghiệp dự kiến trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định tên doanh nghiệp đăng ký chính thức cho công ty con.
  - Địa chỉ trụ sở: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Vốn điều lệ: 600 tỷ đồng. Trong thời hạn góp vốn luật định, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT kiểm kê sổ sách và xác định giá trị Tài Sản Góp Vốn theo sổ sách và góp thêm bằng tiền mặt để ghi nhận tổng vốn điều lệ là: 600 tỷ đồng.
- Tiến hành các thủ tục pháp lý, bao gồm nhưng không chỉ có việc lập hợp đồng góp vốn công chứng, việc đăng kí biến động và xin cấp giấy chứng nhận mới, phát sinh từ việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với Dự án Nhà máy Tân Tạo của Thiên Long cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long;
- Thay mặt ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức thực hiện thẩm định giá, lựa chọn đơn vị thẩm định giá phù hợp để đánh giá lại giá trị thực tế của tất cả Tài Sản Góp Vốn nói trên nhằm ghi nhận đúng và đủ giá trị "*vốn góp thực hiện dự án*" cho mục đích kê khai, đăng kí, báo cáo và thống kê về dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để bàn giao và điều chuyển Tài Sản Góp Vốn, nhân sự và toàn bộ Dự án Nhà Máy Tân Tạo sang cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long với điều kiện không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Dự án Nhà Máy Tân Tạo.

Trong trường hợp bất cứ quy trình hay thủ tục hành chính nào phát sinh hoặc nếu có bất kì ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước nào làm thay đổi các hoạt động đã được phê duyệt của Dự án Nhà Máy Tân Tạo liên quan đến việc tái sắp xếp và cấu trúc lại này, HĐQT có quyền đình chỉ hoặc huỷ bỏ thực hiện các công việc dang dở và xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để điều chỉnh hoặc thay đổi phương án thực hiện.

3. Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Bổ sung ngành:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế)	7020

- Điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh, đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty như sau:

"*1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế).	7020 (Chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng. *(không thực hiện tại trụ sở)*	3290
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
5	In ấn Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty. *(không thực hiện tại trụ sở)*	1811
6	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất	2829

	của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau. *(không thực hiện tại trụ sở)*	
7	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) *(không thực hiện tại trụ sở)*	3240
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) *(không thực hiện tại trụ sở)*	2220
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bật lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.	4669
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). *(không thực hiện tại trụ sở)*	2817
11	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2651

- Thời điểm có hiệu lực bổ sung ngành và điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

4. Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Thiên Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ công ty về địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

  "Trụ sở đăng ký của Công ty là:

  Địa chỉ : Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam."
- Thời điểm có hiệu lực thay đổi địa chỉ trụ sở chính và điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,999981%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021

Đại hội thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021 như sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Văn Hùng.
- Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,949405%

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành 0,050576%

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến 0,000019%

Ông Nguyễn Đình Tâm với số phiếu bầu là: 45 phiếu, đại diện cho 53.343.053 phiếu bầu đạt tỷ lệ 99,92% tính trên số cổ phiếu biểu quyết của CĐ dự họp . Kết quả: Trúng cử.

Như vậy, Danh sách HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 kể từ ngày 29/06/2021 là:

1.	Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT
3.	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT
4.	Bà Trần Thái Như	Thành viên HĐQT
5.	Bà Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT
6.	Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT
7.	Ông Tayfun Uner	Thành viên HĐQT
8.	Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên HĐQT
9.	Ông Nguyễn Đình Tâm	Thành viên HĐQT

Điều 13. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày 29/06/2021

Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị Quyết này trên website Công ty (www.thienlonggroup.com) theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp HCM

GCNĐKDN: 0301464830, cấp ngày 14/03/2005, tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM

---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 29/06/2021, tại Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long đã được tiến hành.

Tổng số Cổ đông và người được ủy quyền tham dự khi bắt đầu tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông là: 41 người, tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 52.733.953 cổ phần, chiếm 67,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại diện Ban tổ chức gồm có :

A- Chủ tọa đoàn:

1. Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Nguyễn Đình Tâm - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành
3. Bà Trần Phương Nga - Tổng Giám đốc Điều hành

B- Ban Thư ký Đại hội:

1. Ông Nguyễn Ngọc Trung Chánh - Thư ký Công ty

C- Ban Kiểm phiếu:

1. Bà Vũ Thị Thanh Nga – BP. Tài chính Kế toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử, chương trình đại hội, danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100%.

Tổng số Cổ đông và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi bắt đầu tiến hành biểu quyết và bầu cử là: 50 người, tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 53.385.173 cổ phần, chiếm 68,62% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT):

❖ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2020:

Trải qua một năm 2020 đầy biến động và thách thức, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo của HĐQT, sự bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc và hơn hết là sự đồng lòng của toàn thể Cán bộ Công nhân viên, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng trân trọng như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 đạt 2.684,6 tỷ, đạt 96% kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 239,8 tỷ, vượt 9% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

❖ Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT điều chỉnh nguồn xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán cổ phiếu quỹ cho Người lao động năm 2020 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Nội dung theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 thông qua ngày 24/06/2020	Nội dung HĐQT điều chỉnh theo Nghị quyết HĐQT số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 30/10/2020
Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.	Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.

Nguyên nhân điều chỉnh: phù hợp theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc sử dụng "Thặng dư vốn cổ phần" để xử lý chênh lệch giá không dẫn đến sự khác biệt về Vốn chủ sở hữu so với phương án dùng "Quỹ đầu tư phát triển" để xử lý chênh lệch giá.

❖ Báo cáo và đánh giá tóm tắt các hoạt động của HĐQT trong năm 2020:

- Bổ nhiệm Bà Trần Phương Nga làm Tổng Giám đốc Điều hành.
- HĐQT luôn tập trung thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, giúp hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đóng góp những tư vấn mang tính chiến lược và sâu sắc cho sự phát triển chung của Công ty.
- Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT, bao gồm Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển, Tiểu ban Tái cấu trúc Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán và Tiểu ban Quan hệ cổ

đông luôn thực hiện tốt vai trò của mình, giúp HĐQT giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.

❖ Quan hệ Nhà đầu tư và nghĩa vụ với Cổ đông

- Thiên Long luôn đảm bảo tính công bằng, bình đẳng và hướng đến quyền lợi cao nhất của cổ đông và nhà đầu tư, bằng việc luôn minh bạch, kịp thời và chính xác trong công tác công bố thông tin.
- Ngoài công tác công bố thông tin theo quy định, Công ty luôn tích cực trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, cập nhật bản tin kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tham dự và trình bày tại các hội thảo nhà đầu tư, nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin của doanh nghiệp đến rộng rãi cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Trong năm 2020, Thiên Long đã trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá, đợt 3 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá và chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá.

❖ Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Đứng trước tình hình khó khăn với một năm đầy biến động và xáo trộn về tình hình kinh tế xã hội, Ban Tổng Giám đốc đã và đang triển khai các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đặc biệt là việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty hằng năm, cũng như có định hướng phát triển mới để linh động phù hợp với sự thay đổi của thị trường.
- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

❖ Trọng tâm phát triển

Nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025, Thiên Long tiếp tục tập trung vào các trọng tâm phát triển như sau:

(1) Thực hiện chiến lược Mở rộng chuỗi giá trị.

(2) Nâng cao năng lực sản xuất.

(3) Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới.

(4) Phát triển hệ thống phân phối.

(5) Đẩy mạnh sự hiện diện trên thị trường Thế Giới.

(6) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 và Định hướng phát triển năm 2021 của Tập đoàn:

❖ **Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020**

- Doanh thu thuần năm 2020 : 2.684,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020 : 239,8 tỷ đồng

❖ **Các giải pháp và hoạt động tiêu biểu:**

- Nghiên cứu, ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa trong toàn bộ các công đoạn của quy trình sản xuất.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đáp ứng kịp thời tình hình thay đổi của thị trường do đại dịch Covid-19.
- Phát triển hoạt động R&D.
- Chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực; ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị doanh nghiệp; tinh gọn lực lượng nhân sự phù hợp với bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hoành hành

❖ **Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:**

- Doanh thu thuần : 3.000 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế : 280 tỷ VNĐ

❖ **Giải pháp thực hiện**:

- Từng bước ứng dụng số hóa vào trong sản xuất và hoạt động quản trị công ty.
- Đa dạng hóa dòng sản phẩm, phù hợp xu hướng người tiêu dùng, tạo sự khác biệt nhằm tăng sức cạnh tranh.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới an toàn, sức khỏe, tiện dụng của người tiêu dung.
- Gia tăng chất lượng, hiệu quả của các kênh phân phối.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát:

❖ **Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020**:

- Thực hiện giám sát công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc tuân thủ Điều lệ, việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Quy định của Pháp luật có liên quan.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm.
- Thường xuyên phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành các hoạt động kiểm tra tại một số bộ phận/phòng ban trong Công ty và Các Công ty con về việc tuân thủ các thủ tục, quy trình, quy định của Công ty, kiểm tra tính hiện hữu, hợp lý của các khoản mục chi phí.

❖ **Kết quả giám sát hoạt động và tài chính trong năm 2020**:

- Ban Kiểm soát ghi nhận các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam được phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành.
- Việc trích lập các quỹ, chi thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận, các khoản thù lao đã được thực hiện đúng theo các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh chủ yếu trong năm 2020:
  - Doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.684,6 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
  - Lợi nhuận sau thuế đạt 239,8 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch đề ra.

❖ **Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc**:

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT luôn theo sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc và các cấp Quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.
- Việc công bố thông tin đến Cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

❖ **Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:**

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã luôn hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát

thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Các tài liệu, báo cáo được cung cấp đúng thời hạn.

❖ **Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

- Khẩn trương xây dựng các tiêu chuẩn về quản trị tài chính, nhằm tránh, giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh, giúp kiểm soát tốt các hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình nội bộ liên quan đến tất cả các hoạt đông trong mô hình, cơ cấu mới của Công ty.
- Củng cố và xây dựng đội ngũ nhân sự đủ tầm, năng động và có tâm, sẵn sàng giao trách nhiệm, quyền hạn với môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện và hiên đại.
- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, chi phí ở các Bộ phận/Phòng ban/ Công ty con, cần có biện pháp và kế hoạch cụ thể hơn nhằm giảm các chỉ tiêu về nợ phải thu, hàng tồn kho nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền *Đơn vị tính: ngàn VNĐ*
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	**239.845.037**
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho HĐQT	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	**13.767.704**

và ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.173 *cổ phần, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *0 cổ phần*

6. Tờ trình chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Phân phối lợi nhuận	Giá trị
1	**Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021**	
	- Doanh thu thuần	3.000 tỷ đồng
	- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	280 tỷ đồng
2	**Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021**	
	- Cổ tức năm 2021	Dự kiến 20%/mệnh giá
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	12% từ lợi nhuận sau thuế
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% từ lợi nhuận sau thuế
	- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	9,5 tỷ đồng/năm

và ủy quyền cho HĐQT được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.173 *cổ phần, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *0 cổ phần*

7. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2021:

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua nội dung ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021 từ các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH PwC Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.173 *cổ phần, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *0 cổ phần*

8. Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như sau:

- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Phụ lục 1 đính kèm.
- Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Phụ lục 2 đính kèm.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.358.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,949405% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *27.000 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,050576% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

9. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Phụ lục 3: Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Số cổ phần biểu quyết tán thành	:	53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*
Số cổ phần biểu quyết không tán thành	:	*0 cổ phần*
Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến	:	*10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

10. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Phụ lục 4: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Số cổ phần biểu quyết tán thành	:	53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*
Số cổ phần biểu quyết không tán thành	:	*0 cổ phần*
Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến	:	*10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

11. Tờ trình thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn Thiên Long:

Xét tình hình hoạt động và vận hành hiện nay của Tập đoàn, HĐQT đề xuất tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn theo hướng để Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long (sau đây gọi tắt là "**Thiên Long**") là Công ty mẹ, với chức năng hoạt động tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, phát triển thương hiệu Thiên Long và đầu tư, quản lý và điều phối nguồn vốn giữa các công ty con trực thuộc Thiên Long. Thiên Long sẽ chuyển giao toàn bộ dự án đầu tư sản xuất các loại văn phòng phẩm hiện tại của Thiên Long trên địa bàn Khu Công Nghiệp Tân Tạo theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814 được cấp ngày 06/12/2018 bởi Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là **"Dự án Nhà Máy Tân Tạo"**) cho một công ty con mới thuộc sở hữu 100% bởi Thiên Long, để công ty con mới kế thừa và tiếp tục thực hiện Dự án này.

Trên cơ sở đó, ĐHĐCĐ thống nhất thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Tập đoàn Thiên Long, bao gồm:

1. Thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long bao gồm:

- Thành lập một công ty con do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại văn phòng phẩm (dự kiến tên gọi là "Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long").

- Góp vốn vào Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017, các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và bán thành phẩm gắn với Dự án Nhà Máy Tân Tạo ("Tài Sản Góp Vốn") và tiền mặt. Theo đó, Dự án Nhà Máy Tân Tạo sẽ được chuyển giao từ Thiên Long sang Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long để tiếp tục thực hiện.
- ĐHĐCĐ áp dụng quy định tại Điều 36, Khoản 1, Luật Doanh Nghiệp 2020 thống nhất việc tự ghi nhận giá trị Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long đúng bằng giá trị của Tài Sản Góp Vốn (theo giá trị còn lại trên sổ sách tính đến ngày 31/8/2021).
- Tổ chức và sắp xếp lại hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc chi tiết theo chủ trương nêu trên, bao gồm:

- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với:
  - Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long. Trong trường hợp tên doanh nghiệp dự kiến trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định tên doanh nghiệp đăng ký chính thức cho công ty con.
  - Địa chỉ trụ sở: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Vốn điều lệ: 600 tỷ đồng. Trong thời hạn góp vốn luật định, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT kiểm kê sổ sách và xác định giá trị Tài Sản Góp Vốn theo sổ sách và góp thêm bằng tiền mặt để ghi nhận tổng vốn điều lệ là: 600 tỷ đồng.
- Tiến hành các thủ tục pháp lý, bao gồm nhưng không chỉ có việc lập hợp đồng góp vốn công chứng, việc đăng kí biến động và xin cấp giấy chứng nhận mới, phát sinh từ việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với Dự án Nhà máy Tân Tạo của Thiên Long cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long;

- Thay mặt ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức thực hiện thẩm định giá, lựa chọn đơn vị thẩm định giá phù hợp để đánh giá lại giá trị thực tế của tất cả Tài Sản Góp Vốn nói trên nhằm ghi nhận đúng và đủ giá trị "*vốn góp thực hiện dự án*" cho mục đích kê khai, đăng kí, báo cáo và thống kê về dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để bàn giao và điều chuyển Tài Sản Góp Vốn, nhân sự và toàn bộ Dự án Nhà Máy Tân Tạo sang cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long với điều kiện không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Dự án Nhà Máy Tân Tạo.

Trong trường hợp bất cứ quy trình hay thủ tục hành chính nào phát sinh hoặc nếu có bất kì ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước nào làm thay đổi các hoạt động đã được phê duyệt của Dự án Nhà Máy Tân Tạo liên quan đến việc tái sắp xếp và cấu trúc lại này, HĐQT có quyền đình chỉ hoặc huỷ bỏ thực hiện các công việc dang dở và xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để điều chỉnh hoặc thay đổi phương án thực hiện.

3. Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Bổ sung ngành:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế)	7020

- Điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh, đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty như sau:

"*1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế).	7020 (Chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và	3290

	thiết bị gia dụng. *(không thực hiện tại trụ sở)*	
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
5	In ấn Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty. *(không thực hiện tại trụ sở)*	1811
6	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2829
7	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) *(không thực hiện tại trụ sở)*	3240
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng	2220

	polyol trộn sẵn HCFC-141b) *(không thực hiện tại trụ sở)*	
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bật lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.	4669
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). *(không thực hiện tại trụ sở)*	2817
11	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2651

- Thời điểm có hiệu lực bổ sung ngành và điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

4. Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Thiên Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ công ty về địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

  "Trụ sở đăng ký của Công ty là:

  Địa chỉ: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam."
- Thời điểm có hiệu lực thay đổi địa chỉ trụ sở chính và điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.385.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,999981% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *0 cổ phần*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

12. **Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021**:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021 như sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Văn Hùng.
- Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021.

Số cổ phần biểu quyết tán thành : 53.358.163 *cổ phần, đạt tỷ lệ 99,949405% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không tán thành : *27.000 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,050576% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến : *10 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,000019% trên tổng số phiếu biểu quyết của CĐ dự họp*

Ông Nguyễn Đình Tâm với số phiếu bầu là: 45 phiếu, đại diện cho 53.343.053 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 99,92% tính trên số cổ phiếu biểu quyết của CĐ dự họp. Kết quả: Trúng cử.

Như vậy, Danh sách HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 kể từ ngày 29/06/2021 là:

1.	Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT
3.	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT
4.	Bà Trần Thái Như	Thành viên HĐQT
5.	Bà Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT
6.	Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT
7.	Ông Tayfun Uner	Thành viên HĐQT
8.	Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên HĐQT
9.	Ông Nguyễn Đình Tâm	Thành viên HĐQT

Biên bản này gồm 15 trang đã được đọc lại trước Đại hội cho tất cả các Cổ đông thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

ĐHĐCĐ đồng ý ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ra Nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2020 tương ứng với các nội dung trên.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bế mạc vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 29/06/2021.

CHỦ TỌA ĐOÀN

CÔ GIA THỌ

NGUYỄN ĐÌNH TÂM **TRẦN PHƯƠNG NGA**

THƯ KÝ ĐOÀN

NGUYỄN NGỌC TRUNG CHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3750 5555 Fax: (84-28) 3750 5577

Email: info@thienlonggroup.com Website: www.thienlonggroup.com

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi lần thứ 23)

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 2

Điều 1: Giải thích thuật ngữ 2

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 3

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 3

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 3

Điều 3: Mục tiêu của Công ty 4

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động 5

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 5

Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần 5

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác 7

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần 7

Điều 9: Thu hồi cổ phần 7

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 8

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý 8

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ 8

Điều 11: Quyền của Cổ đông 8

Điều 12: Nghĩa vụ của các Cổ đông 10

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ 12

Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 13

Điều 16: Thay đổi các quyền 14

Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ 15

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 16

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ 16

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ 18

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ 19

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ 20

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ 21

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 21
Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 21
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 23
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT. 25
Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT 26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 29
Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý 29
Điều 29: Người điều hành 29
Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành 29
Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty 31
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH 32
Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng 32
Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 32
Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 33
X. BAN KIỂM SOÁT 33
Điều 35: Thành viên Ban Kiểm soát 33
Điều 36: Ban Kiểm soát 35
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 36
Điều 37 : Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 37
Điều 38: Công nhân viên và công đoàn 37
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 37
Điều 39: Phân phối lợi nhuận 37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 38
Điều 40: Tài khoản ngân hàng 38
Điều 41: Trích lập các Quỹ 38
Điều 42: Năm tài chính 38
Điều 43: Chế độ Kế toán 38
XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 38
Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên 38

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 39
Điều 45: Kiểm toán 39
XVII. CON DẤU 39
Điều 46: Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp 39
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 39
Điều 47: Giải thể Công ty 39
Điều 48: Thanh lý 40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 40
Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ 40
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 41
Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ 41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 41
Điều 51: Ngày hiệu lực 41
Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. 41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long, là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ này, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, và các quy định của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 29/06/2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

   a. "**Công ty**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;

   b. "**Cổ đông**" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân có tên trong danh sách Cổ đông của Công ty tại thời điểm gần nhất Công ty chốt danh sách Cổ đông tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

   c. "**ĐHĐCĐ**" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Công ty - là toàn bộ các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty;

   d. "**Doanh nghiệp liên kết**": đối với một chủ thể nào, là bất cứ một doanh nghiệp nào được kiểm soát một cách trực tiếp hay gián tiếp bởi chủ thể đó, hoặc một doanh nghiệp nào trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát chủ thể đó. Việc "kiểm soát" bao gồm một trong các trường hợp sau: quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con (theo định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp), nắm giữ trên 50% số vốn góp, chi phối hoạt động của HĐQT hay Ban Tổng Giám đốc, hay các biện pháp tương đương;

   e. "**HĐQT**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

   f. "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện hoặc dự kiến thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

   g. "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

   h. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

   i. "**Ngày thành lập**" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu;

   j. "**Pháp luật**" là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm;

   k. "**Người điều hành**" có nghĩa là Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng;

   l. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" hoặc "**thành viên không điều hành**" có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty;

   m. "**Thành viên độc lập HĐQT**" hoặc"**thành viên độc lập**" có nghĩa là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

   n. "**Người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

   o. "**Người quản lý doanh nghiệp**" bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành;

   p. "**Thời hạn**" có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của

Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được ĐHĐCĐ Công ty thống nhất thông qua bằng một nghị quyết;

q. "**Tỷ lệ nắm giữ**" có nghĩa là tỷ lệ nắm giữ cổ phần tương ứng của một Cổ đông trong Công ty và được tính bằng tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết mà mỗi Cổ đông nắm giữ chia cho tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty;

r. "**Cổ tức**" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần mà Cổ đông sở hữu;

s. "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là "**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**"

   Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là "**THIEN LONG GROUP CORPORATION**"

   Tên gọi tắt của Công ty là "**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**"

2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

   Địa chỉ : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM.

   Điện thoại : (84 - 28) 3750 5555

   Fax : (84 - 28) 3750 5577

   E-mail : info@thienlonggroup.com

   Website : www.thienlonggroup.com

4. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch v.v...tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 47, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	**In ấn.** *Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty.*	1811
2	**Sản xuất khác chưa được phân vào đâu.** *Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng.*	3290
3	**Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.** *Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.*	4649
4	**Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.** *Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.*	4659
5	**Sản xuất máy chuyên dụng khác.** *Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau.*	2829
6	**Sản xuất đồ chơi, trò chơi.**	3240
7	**Sản xuất sản phẩm từ plastic.**	2220
8	**Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.** *Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bật lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.*	4669
9	**Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng** (trừ máy vi tính và	2817

	thiết bị ngoại vi của máy vi tính).	
10	**Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển.** *Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.*	2651

2. Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các Cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 777.944.530.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) được chia thành 77.794.453 (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi ba) cổ phần. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng.
2. Công ty chỉ có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ bằng nghị quyết và phù hợp với các quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
4. Vốn Điều lệ không được dùng để chia Cổ tức hoặc phân tán tài sản Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định thu hẹp quy mô sản xuất và giảm Vốn Điều lệ sau khi đáp ứng các điều kiện theo luật định.
5. Pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty và trở thành Cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT

thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.

7. Cổ đông có quyền biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

8. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá do HĐQT quyết định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá sẽ do Cổ đông thanh toán.

9. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

   - HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
   - HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc Công ty và Cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
   - Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên;
   - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình dẫn đến số lượng cổ phiếu quỹ đạt tới 25% trở lên trong tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, Công ty phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán.

10. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi có phê chuẩn của ĐHĐCĐ, Công ty có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

11. Công ty có thể phát hành và chào bán cổ phần theo phương thức đấu giá. HĐQT được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho Công ty và các Cổ đông.

12. Nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu tỷ lệ lên đến 100% vốn cổ phần của Công ty, trừ

trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp, bị tiêu hủy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận Cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
   a. ĐHĐCĐ;
   b. Ban Kiểm soát;
   c. HĐQT;
   d. Tổng Giám đốc Điều hành;
   e. Các Phó Tổng Giám đốc;
   f Các Giám đốc;
   g. Các cấp thừa hành khác.
2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ

Điều 11: Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp

tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi điều kiện Công ty cho phép hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận Cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần vào Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các Cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 12: Nghĩa vụ của các Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi Công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán thì theo đề nghị của HĐQT có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

   Theo đề nghị của HĐQT, luật sư, cố vấn pháp lý của Công ty có thể tham gia họp ĐHĐCĐ để giải thích các vấn đề pháp lý, quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty.
3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
   a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
   d. Theo yêu cầu của BKS;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. ĐHĐCĐ bất thường được tổ chức như sau:
   a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b Khoản

3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

d. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ; Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

e. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
   b. Mức Cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   c. Số lượng thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát;
   d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;
   f. Quyết định ngân sách hoặc Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát;
   g. Phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
   h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
   i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
   j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
   k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
   l. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế

chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

q. Định hướng phát triển của Công ty;

r. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

s. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành;

t. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng, giao dịch quy định Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua.Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi

nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
   c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
3. Việc mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:
   a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông; thời gian; địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
   b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán;
   c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
      - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
      - Phiếu biểu quyết;
      - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT.
   d. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều

17 Điều lệ trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại và gửi thông báo mời họp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiên tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập và gửi thông báo mời họp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm

phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.

5. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyềnhoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của ĐHĐCĐ được tiến hành một cách hợp lệ;

d. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn ĐHĐCĐ khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết;

e. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp ĐHĐCĐ không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

6. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 4 Điều 19 của Điều lệ, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có

hiệu lực thi hành.

7. Chủ tọa của ĐHĐCĐ hoặc Thư ký ĐHĐCĐ có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
9. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
   c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế cho hình thức họp trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền quyết định hình thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tuyến với trực tiếp phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy từng thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, Khoản 1 Điều 16, khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).
2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu

quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản):

a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

b. Loại và số lượng cổ phần chào bán;

c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý_ tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
   a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức;
   b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền

mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

   Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

   c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

   e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/hoặc gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiếnCổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài

liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
   a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này;
   b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

   Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

   Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:

   a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT có 05 thành viên;
   b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
   c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

   Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc

họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các Cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứngviên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.

   Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT Công ty như sau:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

   b. Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp

luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành và các vị trí khác do HĐQT bổ nhiệm.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
   b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
   c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
   d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
   f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
   g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty;

i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;

j. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Tổ chức việc chi trả Cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mìnhtheo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Người điều hành và Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

8. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

9. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí

hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

10. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty.

   Chủ tịch HĐQT được bầu, ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:

   a. Là Cổ đông nắm giữ trên 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên hoặc nắm giữ một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhỏ hơn nhưng phải là thành viên do Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên ứng cử hoặc đề cử theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này; và

   b. Là thành viên HĐQT của Công ty trong nhiệm kỳ trước.

2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và Chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu/thành viên góp vốn tại công ty nơi có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty con đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc cử hoặc hủy đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ở công ty đó. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên.

4. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT cho rằng cần thiết trong quá trình hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm vị trí trưởng chi nhánh/trưởng văn phòng đại diện. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên.

5. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Công ty nếu không được quy định rõ trong Điều lệ này, trừ trường hợp thẩm quyền đó thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Điều lệ và pháp

luật.

6. Chủ tịch HĐQT có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc bộ phận của Công ty.
7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT.
8. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.
9. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì trong số các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số, thì một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
   a. Tổng Giám đốcĐiều hành hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý doanh nghiệp;
   b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
   c. Ban Kiểm soát;
   d. Thành viên độc lập HĐQT.
4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế và phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT hay đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

   Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

   Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía cóý kiến của Chủ tịch HĐQT.

9. Biểu quyết:

   a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

   b. Đối với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên HĐQT hoặc người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty thì thành viên đó không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hay đề xuất này. Thành viên HĐQT này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT đối với những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này;

   c. Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự

nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 33 và Điểm b Khoản 7 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

    b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

    Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết thông qua bằng hình thức khác: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. HĐQT ban hành nguyên tắc thông qua nghị quyết theo các hình thức này và giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn hình thức áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế, tùy từng thời điểm.

    Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29: Người điều hành

1. Người điều hành bao gồm các nhân sự được mô tả tại Điều 1 của Điều lệ này và những Người điều hành khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT chấp thuận bổ nhiệm sau khi xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc Điều hành. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các vấn đề khác của Người điều hành sẽ phải do HĐQT/Chủ tịch HĐQT quyết định theo thẩm quyền. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám

đốc Điều hành phải được báo cáo trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc Điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc Điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

   a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ;

   b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;

   c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

   d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh khác ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT hoặc theo quyết định từng thời điểm của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;

   e. Tuyển dụng lao động;

   f. Kiến nghị phương án trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

   g. Quyết định thực hiện các giải pháp phát triển thị trường theo nghị quyết của HĐQT;

   h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

   i. Ban hành nội quy Công ty, quyết định các vấn đề về cơ cấu phòng ban, phân xưởng, phân phối và những biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

   j. Chuẩn bị các báo cáo tài chính, các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

   k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông: Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Ủy quyền, ủy nhiệm: Tổng Giám đốc Điều hành có thể ủy quyền (ủy nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc Điều hành phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm này.

6. Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền lại cho người khác.
7. Đình chỉ công tác: Trong trường hợp Tổng Giám đốc Điều hành vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác của Tổng Giám đốc Điều hành, bổ nhiệm tạm thời người thay thế cho đến cuộc họp tiếp theo của HĐQT. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền phản đối việc tạm đình chỉ này tại cuộc họp HĐQT tiếp theo và các quyền khác theo quy định pháp luật.
8. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Điều hành mới thay thế.

Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
   a. Có hiểu biết về pháp luật;
   b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
   c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
   g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   h. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên BKS, Người quản lý doanh nghiệp và Những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý doanh nghiệp khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc Những người liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách

trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, và Người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường và thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty sẽ mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đảm bảo không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu HĐQT, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

2. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát mà có lý do chính đáng thì chỉ có thể ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát để thảo luận và quyết định các vấn đề tại cuộc họp.
6. Trường hợp trong nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát bị khuyết thành viên thì Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục hoạt động với số thành viên còn lại cho đến khi thành viên bị khuyết được bầu bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Tuy nhiên, trong trường hợp Ban Kiểm soát bị khuyết thành viên, nhưng số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn lại là ba (03) người, thì Ban Kiểm soát có thể tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ với số lượng thành viên này. Trường hợp thành viên bị khuyết là Trưởng Ban Kiểm soát thì các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát sẽ quyết định chọn một người làm Trưởng Ban Kiểm soát nếu không quyết định được thì người có phiếu bầu cao hơn trong lần chọn thành viên Ban Kiểm soát sẽ tạm thời làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 36: Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
   a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
   b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
   c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
   d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
   e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
   f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
   g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
   h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
   i. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
   j. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp;
   k. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông;
   l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT và Người điều hành của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
   m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;

n. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

p. Có quyền yêu cầu HĐQT và Người quản lý doanh nghiệp cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; và

q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

3. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

5. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên HĐQT.

6. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37 : Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

   a. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;

   b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ

của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38: Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.
2. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39: Phân phối lợi nhuận

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả Cổ tức và hình thức chi trả Cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng Cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả Cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần Cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ

đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận Cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41: Trích lập các Quỹ

Tùy theo tình hình kinh doanh và yêu cầu của mỗi năm và theo đề nghị của HĐQT và Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ sẽ quyết định các tỷ lệ phân phối các quỹ khác (quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi).

Điều 42: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 43: Chế độ Kế toán

1. Công ty sử dụng Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam ("VAS") hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận cho công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
2. Công ty lập sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhậtcó hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định

của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45: Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII.CON DẤU

Điều 46: Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. HĐQT quyết định loại dấu, hình thức, số lượng, nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
2. Đối với con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu, Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền giữ, quản lý con dấu, khắc lại con dấu nếu mờ, hỏng, mất. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Điều hành hoặc một thành viên khác giữ, quản lý hoặc sử dụng con dấu bằng văn bản ủy quyền.Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.
3. Đối với dấu dưới hình thức chữ ký số sẽ thực hiện theo quy định về giao dịch điện tử và quy chế sử dụng được ban hành bởi HĐQT.

XVIII.GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 47: Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của ĐHĐCĐ;

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 48: Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập.Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
   c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
   d. Các khoản vay (nếu có);
   e. Các khoản nợ khác của Công ty;
   f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản luật liên quan hoặc thỏa thuận, giữa:
   a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc
   b. Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, hay Người điều hành của Công ty.

   thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến

tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết theo thủ tục tố tụng của Trung tâm. Phán quyết của Trọng tài là chung thẩm và có giá trị thi hành ngay.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Đối với thủ tục trọng tài, bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả phí luật sư của bên thắng kiện.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật liên quan, khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51: Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2021 tại TP.HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (½) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

THIÊN LONG
SỨC MẠNH TRI THỨC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Sửa đổi lần thứ 03)

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 1
Điều 3: Cơ cấu tổ chức quản lý 2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2
Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 2
Điều 5: Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ và lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp 3
Điều 6: Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 4
Điều 7: Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, nội dung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ 4
Điều 8: Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ 6
Điều 9: Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 7
Điều 10: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, thông qua quyết định của ĐHĐCĐ và cách thức phản đối quyết định ĐHĐCĐ 8
Điều 11: Lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ 9
Điều 12: Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ 10
Điều 13: Thông báo Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) ra công chúng 12
Điều 14: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ 12
Điều 15: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến 13
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
MỤC 1. THÀNH PHẦN HĐQT VÀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HĐQT 13
Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 13
Điều 17: Tư cách thành viên HĐQT 14
MỤC 2. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT 14
Điều 18: Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT 14
Điều 19: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT 15
Điều 20: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 17
Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 17
Điều 22: Công bố thông tin 18

MỤC 3. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT 18
Điều 23: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 18
Điều 24: Chủ tịch HĐQT 20
MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT 21
Điều 25: Các cuộc họp của HĐQT 21
Điều 26: Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT 21
MỤC 5. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 25
Điều 27: Các Tiểu ban của HĐQT 25
Điều 28: Người phụ trách quản trị Công ty 25
Điều 29: Thù lao của HĐQT 26
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS 26
Điều 30: Ứng cử, đề cử thành viên BKS 26
Điều 31: Tư cách thành viên BKS 27
Điều 32: Thành phần BKS 27
Điều 33: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS 28
Điều 34: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS 29
Điều 35: Thù lao của BKS 30
CHƯƠNG V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY 30
Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý 30
Điều 37: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành 30
Điều 38: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Người điều hành 32
Điều 39: Kiểm toán Nội bộ 33
Điều 40: Chế độ hội họp, báo cáo 33
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC. 34
Điều 41: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS 34
Điều 42: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc 35
Điều 43: Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc 36
Điều 44: Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi 37
Điều 45: Đào tạo về quản trị công ty 38
CHƯƠNG VII: CÔNG BỐ THÔNG TIN 38
Điều 46: Nguyên tắc công bố thông tin 38
CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT 38

Điều 47: Khen thưởng – Kỷ luật.....38
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....39
Điều 48: Tổ chức thực hiện.....39
Điều 49: Hiệu lực thi hành.....39

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TẬP ĐOÀN THIÊN LONG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
*****	*****

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

(Ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2021 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 ("**Luật Doanh nghiệp**"); Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, các Người quản lý doanh nghiệp, các Người điều hành và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
2. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" hoặc "**Thành viên không điều hành**" có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. "**Thành viên độc lập HĐQT**" hoặc "**Thành viên độc lập**" có nghĩa là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
4. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.
5. "**HĐQT**" là Hội đồng Quản trị.
6. "**ĐHĐCĐ**" có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông Công ty - là toàn bộ các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty.
7. "**BKS**" là Ban kiểm soát.
8. "**Đại biểu**" là Cổ đông, người đại diện (người được Cổ đông ủy quyền).

9. "**Thành viên HĐQT thường trực**" là thành viên HĐQT được HĐQT phân công, phân nhiệm để thực hiện, phụ trách, quản lý một công việc, bộ phận, lĩnh vực cụ thể theo quyết định của HĐQT"

Những nội dung không được định nghĩa, giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu và áp dụng thống nhất như được định nghĩa, giải thích tại Điều lệ Công ty.

Điều 3: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
   a. ĐHĐCĐ;
   b. BKS;
   c. HĐQT;
   d. Tổng Giám đốc Điều hành;
   e. Các Phó Tổng Giám đốc;
   f. Các Giám đốc;
   g. Các cấp thừa hành khác.
2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
   b. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   c. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;
   d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS;
   f. Quyết định ngân sách hoặc Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và BKS;
   g. Phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;
   h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
   i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
   j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
   k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

q. Định hướng phát triển của Công ty;

r. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

s. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành;

t. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 5: Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ và lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn theo đề nghị của HĐQT, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT thông

qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời dự họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên danh sách người sở hữu Chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại thời điểm chốt danh sách.

Điều 6: Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập Hội nghị ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm gửi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Thông báo bao gồm các thông tin về ngày đăng ký cuối cùng, mục đích chốt danh sách Cổ đông, tỷ lệ thực hiện quyền, thời gian, địa điểm tổ chức và nội dung dự kiến của cuộc họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ theo quy định chi tiết tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD").
2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ phải được gửi đến đến VSD chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 7: Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, nội dung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ

1. Sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, người triệu tập ĐHĐCĐ phải gửi Thông báo (hoặc thư mời) đến tất cả các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định chi tiết tại khoản 4 điều này.
2. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm.
3. Theo đề nghị của HĐQT, luật sư, cố vấn pháp lý của Công ty có thể tham gia họp ĐHĐCĐ để giải thích các vấn đề pháp lý, quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty.
4. Việc mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:
   a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
   b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán;

c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên HĐQT.

d. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối đề xuất quy định tại Khoản 6 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng theo quy định tại Khoản 6 Điều này;

b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp.

9. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

d. Trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 9 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

(i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(ii) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

(iii)Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8: Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ, bao gồm liên hệ với Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho Cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Đăng ký dự họp;
- Ủy quyền đại diện tham dự đại hội (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện);
- Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn Cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ;

b. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu;

c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.

3. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

a. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, người triệu tập họp hủy cuộc họp và triệu tập lại theo Quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 9: Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT;
- Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Người điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông;
- Các kiến nghị và đề xuất.

Điều 10: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, thông qua quyết định của ĐHĐCĐ và cách thức phản đối quyết định ĐHĐCĐ

1. Cách thức bỏ phiếu:
   a. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
   b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ phiếu. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
2. Cách thức kiểm phiếu:
   a. ĐHĐCĐ bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra có trách nhiệm thống kê các ý kiến của Cổ đông làm cơ sở để ĐHĐCĐ ra quyết định;
   b. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;
   c. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
3. Thông báo kết quả kiểm phiếu:
   a. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề;
   b. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

a. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, Khoản 1 Điều 16, Khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản);

b. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản):

- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Loại và số lượng cổ phần chào bán;
- Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; và
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

5. Cách thức phản đối quyết định ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11: Lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác ĐHĐCĐ. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ toạ và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ toạ ĐHĐCĐ và Thư ký.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12: Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ

1. Trừ các vấn đề được pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ Công ty quy định bắt buộc phải thông qua bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp tại cuộc họp, HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các bước lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản như sau:

a. Chuẩn bị tài liệu:

HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b. Thông báo và lập danh sách Cổ đông để thực hiện lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản:

Việc công bố thông tin và lập danh sách Cổ đông thực hiện lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được quy định tương tự như việc lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

c. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho Cổ đông:

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của Cổ đông:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức;
- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

g. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13: Thông báo Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) ra công chúng

Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp ĐHĐCĐ (hoặc Biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn giờ (24) giờ kể từ khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 14: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
   a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ Công ty;
   b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho

đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến, có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tiếp.
2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức như quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

   Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến:

   a. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;

   b. Quy định về việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;

   c. Quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;

   d. Quy định về hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;

   e. Quy định về cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

   f. Quy định về việc lập biên bản họp và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ;

   g. Các nội dung cần thiết khác có liên quan.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC 1. THÀNH PHẦN HĐQT VÀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty

hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT có 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm HĐQT mới được bầu vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 17: Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là Cổ đông của Công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

   b. Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.

3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Điều hành.

MỤC 2. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18: Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các Cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.

2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT gồm: Phiếu đề cử hoặc phiếu ứng cử thành viên HĐQT theo mẫu của Công ty; Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; Bản sao CMND, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 19: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT

1. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tham dự họp ĐHĐCĐ.
2. Phương thức bầu cử: Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu:
   a. Mỗi Cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên HĐQT theo cơ cấu số lượng thành viên được ĐCĐCĐ thông qua;
   b. Cổ đông có thể chia tổng số quyền bầu cử cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền bầu cử cho một hoặc một số ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trống);
   c. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên;
   d. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:
   a. Phiếu bầu thành viên HĐQT (sau đây được gọi là "Phiếu bầu") được phát cho Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông theo mã số Cổ đông (sở hữu hoặc ủy quyền). Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và có đóng dấu của Công ty;
   b. Trường hợp ghi sai, Cổ đông đề nghị Công ty đổi phiếu bầu khác;
   c. Cổ đông phải tự mình ghi vào Phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền vẫn có đầy đủ quyền bỏ phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu không hợp lệ:
   a. Phiếu không theo mẫu quy định, không đóng dấu của Công ty;
   b. Phiếu bị rách rời, gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

c. Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của Cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của Cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.

5. Ban Kiểm phiếu:

a. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua;

b. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Hướng dẫn cách bầu cử;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

c. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và những Người có liên quan đến người này.

6. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

7. Chọn bầu, lập và công bố biên bản kiểm phiếu

a. Ứng viên trúng cử vào HĐQT phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất 1 quyền bầu cử của tất cả Cổ đông dự họp;

b. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

c. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 20: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT
   a. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
      - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
      - Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
      - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
      - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
   b. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT
   a. Đối với các trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm, không đủ tư cách làm thành viên HĐQT, hoặc được xác định là không đủ năng lực hành vi bằng một văn bản của cơ quan có chức năng hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật thì thời điểm chấm dứt tư cách thành viên HĐQT được xác định tại thời điểm diễn ra một trong các sự kiện đó. Việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT sẽ được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại cuộc họp gần nhất;
   b. Đối với các trường hợp thành viên có đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên HĐQT, việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT được coi là có hiệu lực khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 22: Công bố thông tin

Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

MỤC 3. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

Điều 23: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
3. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc: quyết định tập thể, trách nhiệm cá nhân. Từng thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT về những công việc được phân công. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về các quyết định, nghị quyết của HĐQT ban hành.
4. HĐQT quản lý Công ty bằng hình thức ban hành các nghị quyết, quyết định, nội quy, quy chế được tập thể HĐQT thông qua. Các nghị quyết, quyết định, nội quy, quy chế của HĐQT có hiệu lực thi hành bắt buộc trong toàn Công ty.
5. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành, các vị trí khác do HĐQT bổ nhiệm.
6. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
   b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
   c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
   d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
   f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty;

i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;

j. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Tổ chức việc chi trả cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Thành viên HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới, Người điều hành và Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

9. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

10. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết

trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

11. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
12. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các Tiểu ban của HĐQT.
13. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24: Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT được bầu, ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:
   a. Là Cổ đông nắm giữ trên 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên hoặc nắm giữ một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhỏ hơn nhưng phải là thành viên do Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên ứng cử hoặc đề cử theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty; và
   b. Là thành viên HĐQT của Công ty trong nhiệm kỳ trước.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán.
4. Chủ tịch HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp HĐQT;
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
   e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp HĐQT;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và các văn bản quy định nội bộ, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu/thành viên góp vốn tại công ty nơi có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty con đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc cử hoặc hủy đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ở công ty đó. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên;
- Quyết định các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT cho rằng cần thiết trong quá trình hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm vị trí trưởng chi nhánh/trưởng văn phòng đại diện. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên;
- Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Công ty nếu không được quy định rõ trong Điều lệ này, trừ trường hợp thẩm quyền đó thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Điều lệ và pháp luật;
- Chủ tịch HĐQT có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc bộ phận của Công ty;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT.

MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 25: Các cuộc họp của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo các trường hợp được quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 26: Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp HĐQT:
   a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa

điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp;

b. BKS có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT;

c. Ban Tổng Giám đốc có thể được mời tham dự và trình bày tại các cuộc họp của HĐQT.

2. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

3. Điều kiện tiến hành cuộc họp:

a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

4. Nội dung các cuộc họp:

a. Cán bộ được phân công chịu trách nhiệm trình bày các nội dung theo chương trình họp;

b. HĐQT thảo luận và cho ý kiến từng vấn đề. Các vấn đề được thống nhất để đưa vào Nghị quyết HĐQT phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp;

c. Trong cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc hoặc người được Ban Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án do Ban Tổng Giám đốc trình HĐQT;

d. Các báo cáo tại cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý:

- Báo cáo thực hiện Nghị quyết của HĐQT trong quý;
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm các nội dung sau:
  - ✓ Nhận định tình hình thị trường, các chính sách điều hành của Ban Tổng Giám đốc;
  - ✓ Kết quả sản xuất và kinh doanh trong quý, kết quả kinh doanh lũy kế;
  - ✓ Đề xuất kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo và các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch.

e. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty trong quý;

f. Ngoài các báo cáo nêu trên, Ban Tổng Giám đốc sẽ báo cáo việc thực hiện các nội dung công việc có tính chất dài hạn và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

5. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 7 Điều 33 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

f. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

6. Các hình thức họp khác:

a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

c. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

d. Trường hợp tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên HĐQT gửi qua văn bản hoặc email để lập biên bản họp HĐQT và Nghị quyết HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. HĐQT ban hành nguyên tắc thông qua nghị quyết theo các hình thức này và giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn hình thức áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế, tùy từng thời điểm.

   Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

   Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại cuộc họp và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bàn có hiệu lực và giá trị như nhau.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

   Thành viên HĐQT có thể biểu quyết thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT trong cuộc họp chấp thuận.

9. Biên bản cuộc họp và nghị quyết:

   a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

      - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
      - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
      - Thời gian, địa điểm họp;
      - Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;
      - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
      - Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
      - Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
      - Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
      - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

      Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Thư ký Công ty tổ chức việc ghi biên bản và ký biên bản cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

c. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh.

d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

e. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT hoặc từ một văn bản Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể soạn thảo ra một văn bản nghị quyết riêng khác có nội dung đúng theo văn bản gốc. Văn bản nghị quyết này chỉ cần chữ ký của Chủ tịch HĐQT và con dấu của Công ty, có giá trị pháp lý như những nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

10. Thông báo nghị quyết HĐQT:

Sau khi có Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ.

MỤC 5. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27: Các Tiểu ban của HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

Điều 28: Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán về Công bố thông tin.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29: Thù lao của HĐQT

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định, bao gồm thù lao cho các trách nhiệm bổ sung như Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Tiểu ban HĐQT, thành viên Tiểu ban HĐQT.

2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty, và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS

Điều 30: Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện theo Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của BKS đương nhiệm được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 31: Tư cách thành viên BKS

1. Thành viên BKS là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.
2. Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Các thành viên BKS không phải là Người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty.
4. Tất cả các thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 32: Thành phần BKS

1. Số lượng thành viên BKS ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.
2. BKS phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
   a. Triệu tập cuộc họp BKS;
   b. Yêu cầu HĐQT, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
   c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.
3. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
9. Trường hợp thành viên BKS không thể tham dự các cuộc họp của BKS mà có lý do chính đáng thì chỉ có thể ủy quyền cho thành viên khác của BKS để thảo luận và quyết định các vấn đề tại cuộc họp.
10. Trường hợp trong nhiệm kỳ của BKS bị khuyết thành viên thì BKS sẽ tiếp tục hoạt động với số thành viên còn lại cho đến khi thành viên bị khuyết được bầu bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Tuy nhiên, trong trường hợp BKS bị khuyết thành viên, nhưng số lượng thành viên BKS còn lại là ba (03) người, thì BKS có thể tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ với số lượng thành viên này. Trường hợp thành viên bị khuyết là Trưởng BKS thì các thành viên còn lại của BKS sẽ quyết định chọn một người làm Trưởng BKS nếu không quyết định được thì người có phiếu bầu cao hơn trong lần chọn thành viên BKS sẽ tạm thời làm Trưởng BKS.

Điều 33: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Người điều hành có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của BKS. Thư ký công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ

bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên BKS hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 34: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS

1. BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
   a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
   b. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
   c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp;
   d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông;
   e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, và Người điều hành của Công ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
   f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
   g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
   h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
   i. Có quyền yêu cầu HĐQT và Người quản lý doanh nghiệp cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
   j. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
   k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
   l. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
   m. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
   n. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
   o. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;

p. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;

q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và của Công ty.

2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

4. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu tại điểm e khoản 1 Điều này, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

Điều 35: Thù lao của BKS

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Thù lao cho các thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên BKS được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và một số lượng các Người điều hành do HĐQT/Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm để phù hợp với yêu cầu thực tế của Công ty tùy từng thời điểm. Công ty cũng đồng thời có Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT theo quy định tại Điều 39 Quy chế này.

Điều 37: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT quyết định và phải được báo cáo trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc Điều hành: Ngoài những tiêu chuẩn tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Điều hành còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không phải là thành viên BKS Công ty;

b. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT quyết định.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc Điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ;
   b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;
   c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh khác ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT hoặc theo quyết định từng thời điểm của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc Điều hành;
   e. Tuyển dụng lao động;
   f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   g. Quyết định thực hiện các giải pháp phát triển thị trường theo nghị quyết của HĐQT;
   h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
   i. Ban hành nội quy Công ty, quyết định các vấn đề về cơ cấu phòng ban, phân xưởng, phân phối và những biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
   j. Chuẩn bị các báo cáo tài chính, các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
   k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật.
5. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông: Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Ủy quyền, ủy nhiệm: Tổng Giám đốc Điều hành có thể ủy quyền (ủy nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc Điều hành phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm này.

   Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước

Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền lại cho người khác.

7. Đình chỉ công tác: Trong trường hợp Tổng Giám đốc Điều hành vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác của Tổng Giám đốc Điều hành, bổ nhiệm tạm thời người thay thế cho đến cuộc họp tiếp theo của HĐQT. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền phản đối việc tạm đình chỉ này tại cuộc họp HĐQT tiếp theo và các quyền khác theo quy định pháp luật.
8. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Điều hành mới thay thế.
9. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

   Việc Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật lao động.
10. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

    Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được thông báo tới các bên liên quan, được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

Điều 38: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Người điều hành

1. Bổ nhiệm: Người điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều này và phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài Giám đốc Bộ phận thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT, các Người điều hành khác thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty bao gồm:
   a. Tổng Giám đốc điều hành;
   b. Các Phó Tổng Giám đốc;
   c. Giám đốc Tài chính;
   d. Kế toán trưởng.
2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Người điều hành:
   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
   b. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật liên quan;
   c. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong việc điều hành doanh nghiệp và lĩnh vực chuyên môn liên quan đến chức vụ được bổ nhiệm;
   d. Chứng chỉ hành nghề: Đối với các chức danh chuyên môn theo quy định của Pháp luật cần có chứng chỉ hành nghề;
   e. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể của từng vị trí được quy định trong bản Trách nhiệm và quyền hạn;
   f. Các yêu cầu khác theo quy định của Công ty và pháp luật liên quan.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Người điều hành được bổ nhiệm nhằm giúp việc cho Tổng Giám đốc Điều hành trong việc quản lý điều hành chung Công ty và trực tiếp phụ trách một số chức năng theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp công việc và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành.
4. Miễn nhiệm: Người điều hành bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
   a. Có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty;
   b. Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   c. Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;
   d. Hết nhiệm kỳ và không có quyết định tái bổ nhiệm (đối với các trường hợp các chức danh bổ nhiệm có nhiệm kỳ);
   e. Người điều hành có thể bị thôi nhiệm bất kỳ khi nào bằng một nghị quyết của HĐQT nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động và pháp luật liên quan.

Điều 39: Kiểm toán Nội bộ

1. Thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ (KTNB):
   a. Thành viên ban KTNB phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Trưởng Ban KTNB phải có chuyên môn về tài chính kế toán;
   b. Thành viên ban KTNB không phải là Người điều hành được HĐQT/Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm và những Người có liên quan đến các thành viên này;
   c. Thành viên ban KTNB không phải là người làm việc trong bộ phận tài chính kế toán của Công ty, thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang phụ trách kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
   d. Thành viên ban KTNB có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu phục vụ công tác của ban KTNB theo quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài chính theo yêu cầu của các thành viên ban KTNB.
2. Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT và nằm dưới sự giám sát của Tiểu ban Kiểm toán. Trong trường hợp HĐQT chưa thành lập Tiểu ban Kiểm toán thì Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc sự giám sát của HĐQT hoặc của thành viên HĐQT được ủy quyền. Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ, quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên được quy định chi tiết tại Quy chế hoạt động của Kiểm toán Nội bộ.

Điều 40: Chế độ hội họp, báo cáo

1. Tổng Giám đốc Điều hành chủ trì các cuộc họp định kỳ và bất thường (theo quyết định của Tổng Giám đốc Điều hành hoặc có yêu cầu từ HĐQT, Chủ tịch HĐQT) với các Người điều hành của Công ty để tổng kết đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của HĐQT và triển khai kế hoạch công việc.

2. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, BKS có thể tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt thông tin, phục vụ hoạt động điều hành và kiểm soát.
3. Các cuộc họp và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành phải được lập thành Biên bản, ban hành và gửi đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.
4. Trong các kỳ họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kết quả triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp thực hiện để đảm bảo kế hoạch và các nội dung khác nhằm phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 41: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của BKS là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Công ty.

1. Quan hệ phối hợp:
   a. HĐQT và BKS thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT, trong quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo BKS luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho HĐQT khi phát hiện có nội dung không phù hợp để HĐQT xem xét, điều chỉnh kịp thời;
   b. BKS tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.
2. Quan hệ kiểm soát - Giám sát:
   a. BKS thay mặt ĐHĐCĐ giám sát HĐQT trong quản lý và điều hành Công ty. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông;

b. BKS có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của HĐQT theo pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ; thẩm tra hiệu quả quản lý của HĐQT;

c. BKS có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;

d. BKS có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của HĐQT;

e. Khi phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

f. BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCĐ.

Điều 42: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

1. Quan hệ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

a. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược được HĐQT thông qua;

b. HĐQT cùng với Ban Tổng Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra;

c. Tổng Giám đốc Điều hành phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất của Công ty để trình HĐQT. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng Giám đốc Điều hành báo cáo HĐQT để HĐQT điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;

d. Hàng quý, sáu (06) tháng, và hàng năm, Ban Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho HĐQT, kiến nghị những vấn đề cần được HĐQT giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;

e. Ban Tổng Giám đốc, các Khối chức năng có trách nhiệm hỗ trợ, cung cấp thông tin và phối hợp hoạt động với các Tiểu ban HĐQT khi được yêu cầu;

f. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Ban Tổng Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho HĐQT để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời;

g. Ban Tổng Giám đốc có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, đồng thời kiến

nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của HĐQT phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty;

h. HĐQT thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT.

2. Quan hệ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

a. Quan hệ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện trên cơ sở quy định về phân cấp điều hành và thẩm quyền ký duyệt và nội dung ủy quyền của Chủ tịch HĐQT cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các văn bản pháp quy khác. Trong phạm vi quyền hạn của mình, với tư cách Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc ủy quyền cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo từng vụ việc hoặc nhiệm vụ đã được phân cấp;

b. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc đã được giao trong phạm vi ủy quyền;

c. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Cổ đông về các công việc đã ủy quyền;

d. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có thể chỉ đạo trực tiếp hoặc chỉ đạo qua thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết vấn đề kịp thời.

Điều 43: Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

1. Quan hệ phối hợp:

a. Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa BKS và Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, BKS chủ động xem xét và đưa ra các kiến nghị (nếu có);

b. BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, Người điều hành hoặc yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

c. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ.

2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:

a. BKS có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b. BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Tổng Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc và giữa Ban Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác;

c. Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản cho Ban Tổng Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

Điều 44: Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên BKS, Người quản lý doanh nghiệp và Những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên BKS và Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc những Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên BKS và Người quản lý doanh nghiệp khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành hoặc những người liên quan đến họ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
   b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT,

thành viên BKS, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45: Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty, cán bộ chuyên trách công bố thông tin của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VII: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.
2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.

CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 47: Khen thưởng – Kỷ luật

1. Khen thưởng:

   Căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và chủ trương khen thưởng đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT sẽ quyết định mức thưởng cụ thể:

   a. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định;

   b. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban chuyên môn quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc Tiểu ban;

   c. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, BKS: HĐQT, BKS quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHĐCĐ phê chuẩn;

   d. Đối với đối tượng là Người điều hành: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

2. Kỷ luật:

   a. Hàng năm, HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;

b. Thành viên HĐQT, BKS, Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;

c. Thành viên HĐQT, BKS, Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48: Tổ chức thực hiện

Quy chế này là cơ sở để Công ty ban hành hệ thống quy chế nội bộ áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

1. Trách nhiệm triển khai xây dựng hệ thống quy chế nội bộ:
   a. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập hệ thống quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, phân cấp phân quyền giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định tại Quy chế này;
   b. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống quy chế quy trình của các Khối chức năng và đơn vị trực thuộc theo quy định tại Quy chế này.
2. Trách nhiệm thực hiện các quy định về quản trị, kiểm soát và điều hành

   HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai áp dụng các quy định này vào các cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc theo đúng trình tự được quy định tại Quy chế này.

Điều 49: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương và 49 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Các văn bản do Công ty ban hành trước đây trái với nội dung Quy chế này đều không còn hiệu lực thi hành. Các văn bản cấp dưới ban hành không được trái với các nội dung trong Quy chế này.
3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 29 tháng 06 năm 2021.
4. Trong trường hợp các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc quy định tại Điều lệ Công ty chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc các quy định đó khác với quy định tại Quy chế này thì các quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có hiệu lực./.

Nơi lưu:
- Lưu HĐQT, BKS.
- Văn phòng Công ty

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TP.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 10
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 10
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị 11
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 12
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 12
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 13
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành 14
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 14
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14
Điều 24. Hiệu lực thi hành 14

Căn cứ

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo khoản 2, 3, 4, 5, 6 , 7, 8 Điều 26 Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành

lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trường của Công ty;

i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;

j. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Tổ chức việc chi trả Cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐthông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133Luật Doanh nghiệp;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc Những người liên quan đến họ theo khoản 7, Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301464560 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Cô Gia Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA BAN KIỂM SOÁT

TP.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2021

Chương I 3
QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 3
Chương II 3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) 3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Chương III 6
BAN KIỂM SOÁT 6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 8
Chương IV 8
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 8
Chương V 8
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 9
Chương VI 10
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 10
Chương VII 10
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 10
Điều 22. Hiệu lực thi hành 10

Căn cứ

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính

trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Bích Nga

DỰ THẢO

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Ngày 29 tháng 06 năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

--------o0o---------

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020.
2. Quy chế làm việc.
3. Quy chế bầu cử.
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.
5. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020.
6. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán (đính kèm trích dẫn BCTC kiểm toán năm 2020 riêng và hợp nhất)
8. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020.
9. Tờ trình thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.
10. Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2021.
11. Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
12. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
13. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
14. Tờ trình thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động.
15. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021.
16. Sơ yếu lý lịch ứng cử viên được đề cử vào Hội đồng Quản trị.
17. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

(Thứ Ba, từ 16h00 đến 19h00, ngày 29/06/2021)

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. **Thời gian**: 16 giờ 00 phút, thứ Ba, ngày 29 tháng 06 năm 2021.
2. **Địa điểm**: Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

STT	Nội dung	Chịu trách nhiệm	Thời gian	Ghi Chú
A	**CÔNG TÁC CHUẨN BỊ**			
1	Cổ đông đăng nhập tham dự trực tuyến.	Ban Tổ chức	Trước 16h30	
B	**NGHI THỨC KHAI MẠC**			
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.	Thư ký đoàn	16h30 – 16h35 (5 phút)	
3	Báo cáo kết quả tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.	Ban Kiểm soát	16h35 – 16h40 (5 phút)	
4	Thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử.	Thư ký đoàn	16h40 – 16h50 (10 phút)	
5	Thông qua Danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu và Nội dung chương trình Đại hội.	Thư ký đoàn	16h50 – 16h55 (5 phút)	
6	Phát biểu khai mạc Đại hội.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	16h55 – 17h00 (5 phút)	
C	**NỘI DUNG CHÍNH**			
7	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	17h00 – 17h15 (15 phút)	
8	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020.	Tổng Giám đốc	17h15 – 17h30 (15 phút)	
9	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.	Trưởng Ban Kiểm soát	17h30 – 17h35 (5 phút)	

STT	Nội dung	Chịu trách nhiệm	Thời gian	Ghi Chú
10	**Các nội dung tờ trình:** - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; - Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2021; - Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động; - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021.	Thư ký đoàn	17h35 – 17h50 (15 phút)	
11	Đối thoại với Cổ đông.	Chủ tọa đoàn	17h50 – 18h10 (20 phút)	
12	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.	Ban Kiểm phiếu	18h10 – 18h20 (10 phút)	
13	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.	Ban Kiểm phiếu	18h20 – 18h25 (5 phút)	
14	Hướng bầu cử và tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.	Ban Kiểm phiếu	18h25 – 18h35 (10 phút)	
15	Đại hội giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc.	-	18h35 – 18h45 (10 phút)	
16	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.	Ban Kiểm phiếu	18h45 – 18h50 (05 phút)	
17	Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020.	Thư ký đoàn	18h50 – 19h00 (10 phút)	
D	**BẾ MẠC**			
18	Tuyên bố bế mạc Đại hội.	Thư ký đoàn	19h00	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QC - ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021*

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 ngày 12 tháng 2020;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- ***Đối tượng áp dụng***: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- ***Phạm vi áp dụng***: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- BKS	:	Ban Kiểm soát
- BTC	:	Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu	:	Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)
- Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCĐ	:	Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên website https://ezgsm.fpts.com.vn và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông *(Điều 18, Điều lệ Công ty)*

- Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện được ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 11/05/2021 đều có quyền tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:

- Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
- Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội *(trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).*

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Cô Gia Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Đình Tâm	Chủ tịch Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành
3	Trần Phương Nga	Tổng Giám đốc điều hành

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ để bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.

- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng Ban kiểm soát

- Nhiệm vụ:
- Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 01 thành viên do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Ngọc Trung Chánh	Thư ký Công ty

- Nhiệm vụ:
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm 01 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Vũ Thị Thanh Nga	Bộ phận Tài chính - Kế toán

- Nhiệm vụ:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:

- Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: https://ezgsm.fpts.com.vn hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do đại biểu đã đăng ký) về địa chỉ: IR@thienlongvn.com (trước giờ thảo luận).
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: https://ezgsm.fpts.com.vn

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại quy chế bầu cử)

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:

- Các nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 27/06/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 01.

- Các nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm các Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 27/06/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 02.

- Nội dung Bầu cử: Đại biểu thực hiện bầu cử từ 10h00 ngày 27/06/2021 đến trước khi Chủ tọa thông qua các nội dung bầu cử.

- Các nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 27/06/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 03.

- Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và các ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 11/05/2021) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 77.794.453 cổ phần tương đương với 77.794.453 quyền biểu quyết.

  Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, Khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2020 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2021/QC - ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021*

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2020 Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC Ban tổ chức Đại hội
- ĐHCĐ : Đại hội cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử *(nếu có).*

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 1 người
- Nhiệm kỳ: 2017 - 2021
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: *(theo Điều 24 Điều lệ công ty)*

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới

30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:

Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (*theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định 155/2020/ND-CP):*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14);
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14).

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở Quy chế làm việc).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở quy chế làm việc).

VI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến**

  Trong trường hợp, cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

VII. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Cách ghi Phiếu bầu cử:
  - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.
  - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **"Bầu dồn đều phiếu"** của các ứng viên tương ứng.
  - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **"Số phiếu bầu"** của các ứng viên tương ứng.
- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết quả kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên *(Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)*

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT *(theo mẫu)*
- Sơ yếu lý lịch *(theo mẫu)*
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.
- Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ vui lòng gửi về Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long trước **16h00 ngày 22/06/2021** theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Địa chỉ : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: 028 - 3750 5555 - Fax: 028 - 3750 5577

Trên đây là toàn bộ quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội cổ đông thông qua.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 01/2021/BC- ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Hội đồng Quản trị (HĐQT) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

Năm 2020, với sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Trong bối cảnh hết sức khó khăn như vậy, GDP Việt Nam năm 2020 vẫn tăng 2,91%. Tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Trải qua một năm 2020 đầy biến động và thách thức, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo của HĐQT, sự bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc và hơn hết là sự đồng lòng của toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng trân trọng như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 đạt 2.684,6 tỷ, đạt 96% kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 239,8 tỷ, vượt 9% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (BKS) và Ban Tổng Giám đốc (TGĐ).

Chế độ thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS và Ban TGĐ luôn được Thiên Long đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm, đảm bảo tương xứng với trách nhiệm và kết quả hoạt động của từng cá nhân.

Tiền lương và các quyền lợi gộp khác của các nhân sự quản lý chủ chốt nhận được trong năm 2020 là 43,4 tỷ đồng và được trình bày tại Thuyết minh số 39 của Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp nhằm thông qua các chủ trương quan trọng trong định hướng phát triển của Công ty. Trong đó, có những cuộc họp với những quyết sách mang tính chiến lược cho sự phát triển lâu dài của Thiên Long.

- **Các Nghị quyết/ Quyết định đã được ban hành, bao gồm**:

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	01/2020/NQ - HĐQT	17/02/2020	Thông qua việc chọn ngày chốt danh sách cổ đông để chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt.
2	02/2020/NQ - HĐQT	18/03/2020	Thông qua việc mua lại cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.
3	03/2020/NQ - HĐQT	04/05/2020	Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Tâm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.
4	04/2020/NQ - HĐQT	13/05/2020	Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2019.
5	05/2020/NQ - HĐQT	29/05/2020	Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý của Tập đoàn Thiên Long.
6	06/2020/NQ - HĐQT	08/06/2020	Thông qua việc chấp thuận đề nghị xin từ chức chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ông Trần Kim Thành và tiếp nhận thông tin từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của ông Trần Kim Thành.
7	07/2020/NQ - HĐQT	08/07/2020	Thông qua việc chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020 và ngày chốt danh sách cổ đông để chi cổ tức đợt 3 năm 2019 & tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt.
8	08/2020/NQ - HĐQT	01/10/2020	Thông qua việc bổ nhiệm ông Teo Hwee Beng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long thay thế cho ông Trần Trung Hiệp.
9	09/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua quy chế lựa chọn người lao động được tham gia chương trình bán cổ phiếu quỹ cho người lao động; danh sách người lao động được phân phối cổ phiếu, nguyên tắc xác định giá bán và thời gian thực hiện.

10	10/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua việc triển khai và thực hiện hồ sơ bán cổ phiếu quỹ cho người lao động và lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ.
11	11/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua qua kế hoạch sử dụng vốn từ đợt bán cổ phiếu quỹ cho người lao động trong Công ty.
12	12/2020/NQ - HĐQT	30/10/2020	Thông qua việc điều chỉnh nguồn xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán cổ phiếu quỹ cho Người lao động.
13	13/2020/NQ - HĐQT	25/12/2020	Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty Flexoffice Pte. Ltd.
14	14/2020/NQ - HĐQT	25/12/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt.

- **Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị điều chỉnh nguồn xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán cổ phiếu quỹ cho Người lao động năm 2020 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật**, cụ thể như sau:

Nội dung theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 thông qua ngày 24/06/2020	**Nội dung HĐQT điều chỉnh theo Nghị quyết HĐQT số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 30/10/2020**
Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn **Quỹ đầu tư phát triển** theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.	Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn **Thặng dư vốn cổ phần** theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.

- Nguyên nhân điều chỉnh: phù hợp theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc sử dụng **"Thặng dư vốn cổ phần"** để xử lý chênh lệch giá không dẫn đến sự khác biệt về **Vốn chủ sở hữu** so với phương án dùng **"Quỹ đầu tư phát triển"** để xử lý chênh lệch giá.

- **Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành.**

- Ngày 28/05/2021, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT chấp thuận đơn từ nhiệm và quyết định miễn nhiệm Ông Nguyễn Đình Tâm thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc thường trực Khối Sản xuất và Phó Tổng Giám đốc Sản xuất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long kể từ ngày 01/06/2021.

- Ngày 28/05/2021, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT quyết định bổ nhiệm Bà Trần Phương Nga giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty Cổ phần

Tập đoàn Thiên Long. Quyết định bổ nhiệm Bà Trần Phương Nga giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2021 đến ngày 31/05/2024.

4. Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, giúp hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đóng góp những tư vấn mang tính chiến lược và sâu sắc cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn có những ý kiến định hướng trong hoạt động điều hành, nhằm chỉ ra những rủi ro tiềm tàng trong các quyết sách của HĐQT, góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro và những nguy cơ có thể gặp phải.

5. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Với chức năng tham mưu cho HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, bao gồm Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển, Tiểu ban Tái cấu trúc Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán và Tiểu ban Quan hệ cổ đông luôn thực hiện tốt vai trò của mình, giúp HĐQT giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.

6. Quan hệ Nhà đầu tư và nghĩa vụ với Cổ đông

Công ty luôn ý thức về trách nhiệm của một công ty niêm yết có quy mô lớn, cũng như mối quan hệ với cộng đồng nhà đầu tư. Vì lẽ đó, Thiên Long luôn đảm bảo tính công bằng, bình đẳng và hướng đến quyền lợi cao nhất của cổ đông và nhà đầu tư, bằng việc luôn minh bạch, kịp thời và chính xác trong công tác công bố thông tin. Công ty cũng chủ trương thường xuyên cập nhật quy định của pháp luật một cách kịp thời để đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài công tác công bố thông tin theo quy định, Công ty luôn tích cực trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, cập nhật bản tin kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tham dự và trình bày tại các hội thảo nhà đầu tư, nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin của doanh nghiệp đến rộng rãi cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong năm 2020, Thiên Long đã trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá, đợt 3 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá và chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá.

7. Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, bảo đảm sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Đứng trước tình hình khó khăn với một năm đầy biến động và xáo trộn về tình hình kinh tế xã hội, Ban Tổng Giám đốc đã và đang triển khai các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đặc biệt là việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty hằng năm, cũng như có định hướng phát triển mới để linh động phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

8. Trọng tâm phát triển

Nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025, Thiên Long tiếp tục tập trung vào các trọng tâm phát triển như sau:

(1) Thực hiện chiến lược Mở rộng chuỗi giá trị.

(2) Nâng cao năng lực sản xuất.

(3) Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới.

(4) Phát triển hệ thống phân phối.

(5) Đẩy mạnh sự hiện diện trên thị trường Thế Giới.

(6) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới.

Năm 2021, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh như sau: Doanh thu thuần 3.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 280 tỷ đồng, Cổ tức 20%/mệnh giá.

Kế hoạch 2021 được Công ty xây dựng dựa trên giả định kịch bản học sinh đi học ổn định, thị trường hồi phục dần và trở lại bình thường. Do diễn biến khó lường của dịch bệnh, trường hợp diễn biến dịch thay đổi, Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với thực tế kinh doanh tại từng thời điểm cụ thể.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2020 và định hướng năm 2021 của HĐQT. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 02/2021/BC - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2020

Ban Tổng Giám đốc xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG

1. Ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

Năm 2020, Bộ phận Công nghệ của Thiên Long tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa trong toàn bộ các công đoạn của quy trình sản xuất: từ khâu ép nhựa, chiết rót, pha trộn đến khâu in ấn, lắp ráp, kiểm tra, đóng gói... Với nhiều bước tiến đột phá, tỷ lệ tự động hóa tại các nhà máy của Thiên Long đã được nâng lên 78,23% so với 77% vào cuối năm 2019. Nhờ vậy, năng suất lao động chung của Tập đoàn ngày càng được cải thiện mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, các loại nguyên vật liệu chính tiếp tục được Công ty từng bước phát triển cũng như sản xuất đại trà để chủ động hơn về chất lượng, giá thành và công nghệ sản xuất.

- **Định hướng năm 2021**

- Tiếp tục nâng cao, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và không ngừng cập nhật các công nghệ mới tiên tiến, áp dụng thành công vào các công đoạn sản xuất, phục vụ quá trình chủ động nguồn nguyên vật liệu chính, đa dạng hóa các sản phẩm mới và cải tiến các sản phẩm đang lưu hành.
- Tiếp tục áp dụng công nghệ để nâng cao hơn nữa tỷ lệ tự động hóa trong hoạt động sản xuất, chú trọng mục tiêu giảm nhân công, giá thành trong việc chế tạo các khuôn mới, MMTB mới cho tập đoàn và cho khách hàng, chú trọng kiểm tra, kiểm soát để tăng chất lượng sản phẩm.
- Chú trọng đầu tư nguồn nhân lực cốt lõi và tăng cường hợp tác với các chuyên gia đầu ngành trên thế giới.
- Nghiên cứu, từng bước ứng dụng số hóa vào trong sản xuất.

2. Hoạt động sản xuất mực và hóa chất

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

Năm 2020, bên cạnh việc duy trì chất lượng và sản lượng mực đáp ứng cho nhu cầu sử dụng mực của Tập đoàn, bộ phận Công nghệ Hóa chú trọng vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đáp ứng kịp thời tình hình thay đổi của thị trường do đại dịch Covid-19 như Xà phòng tiện lợi, Gel rửa tay khô, Nguyên liệu kháng khuẩn sử dụng cho Bọc ngón tay, Grip tay cầm bút …

- **Định hướng năm 2021**

Với nguồn nhân lực giỏi chuyên môn và nhiều kinh nghiệm, cùng với sự hợp tác của các chuyên gia đầu ngành, năm 2021, bộ phận công nghệ hóa tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới thuộc các lĩnh vực sau:

- Duy trì chất lượng và tăng tỉ lệ đáp ứng mực văn phòng phẩm cho hoạt động sản xuất của Thiên Long
- Tiếp tục nghiên cứu những sản phẩm mới phục vụ cho nhu cầu về an toàn, sức khỏe, tiện dụng của người tiêu dùng.
- Cải tiến chất lượng và đa dạng hóa dòng sản phẩm mỹ thuật và keo dán phục vụ cho nhu cầu sử dụng hàng ngày và nhu cầu art & craft ngày càng phát triển.
- Từng bước áp dụng nguyên vật liệu thân thiện môi trường vào các sản phẩm của Thiên Long.
- Đa dạng hóa dòng sản phẩm phục vụ cho công nghiệp

Đối với hoạt động sản xuất, với tình hình giá nguyên vật liệu hóa chất, bột màu ngày càng tăng cao, bộ phận Công nghệ hóa liên tục tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu thay thế và dự phòng nhằm ổn định sản xuất, đảm bảo giá thành và nhất là luôn đảm bảo việc đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn của Châu Âu và Mỹ cho các sản phẩm của Thiên Long.

3. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D)

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

Phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, phù hợp với xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của khách hàng, đặc biệt là người tiêu dùng trẻ, trong đó bộ phận đã thực hiện một số nhiệm vụ như:

- Đổi mới hình ảnh thiết kế, bao bì nhằm tạo sự cuốn hút đối với khách hàng.
- Tăng mức độ nhận diện thương hiệu của từng nhãn hàng thông qua thiết kế hình ảnh.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm phục vụ nhiều đối tượng khách hàng thuộc các phân khúc khác nhau.

- **Định hướng năm 2021**

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới trọng tâm, các sản phẩm phù hợp xu hướng người tiêu dùng, tạo sự khác biệt nhằm tăng sức cạnh tranh.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan, đặc biệt với bộ phận Marketing và Kinh doanh nhằm nắm bắt chính xác thông tin, yêu cầu của thị trường về sản phẩm mới, để sản phẩm

mới được đưa ra thị trường và đến khách hàng một cách hiệu quả nhất. Đẩy mạnh các bộ sản phẩm combo, set, thay đổi hình ảnh bao bì, tăng sức thu hút của sản phẩm.

- Nghiên cứu các công nghệ mới kết hợp cùng việc tìm kiếm hợp tác với các chuyên gia đầu ngành để học hỏi ứng dụng vào phát triển sản phẩm nhằm đón đầu các xu thế phát triển của ngành văn phòng phẩm.
- Bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và nghiệp vụ cho đội ngũ nghiên cứu và phát triển, xây dựng nguồn nhân lực năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, dồi dào ý tưởng.

4. Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

- Thực hiện nhất quán chính sách đãi ngộ nhân tài, tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm không ngừng nâng cao trình độ cho CBCNV trong bối cảnh mới.
- Việc áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác Quản trị nhân sự vẫn được chú trọng phát triển. Ngoài phần mềm "Quản lý nhân sự" vẫn đang được áp dụng và cải tiến từng ngày thì một số phần mềm khác cũng được sử dụng như: điều xe, quản lý phòng họp, cấp phát văn phòng phẩm…
- Với việc sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian thực hiện các công việc bằng giấy tờ, số hóa nhiều công việc, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty và Nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự, hành chánh.
- Lực lượng nhân sự ngày càng tinh gọn hơn đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hoành hành.

- **Định hướng năm 2021**

- Vận hành ổn định Phần mềm Quản lý nhân sự, tích hợp với dự án "Chuyển đổi số" để vận hành ổn định hệ thống, cải tiến và sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu trong phần mềm.
- Thực hiện việc tái cấu trúc nội bộ Khối Hành chánh Nhân sự tại Tập đoàn và các Công ty con theo định hướng mà Nhà tư vấn đề xuất nhằm xây dựng một đội ngũ Nhân sự chuyên nghiệp, hiệu quả, theo đó có thể đảm nhiệm được các công việc liên quan đến tái cấu trúc toàn Công ty.
- Đẩy mạnh, cải tiến đào tạo nội bộ như: Nâng cao hiệu quả đội ngũ giảng viên nội bộ, giáo trình đào tạo, nội dung đào tạo…
- Tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự phù hợp cho các Khối/Bộ phận để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cải tiến hệ thống các tiêu chí đánh giá để tạo động lực cho CBCNV, giúp hoàn thành mục tiêu Công ty, đồng thời làm căn cứ trả lương, thưởng và xây dựng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ trong hoạt động nhân sự, tăng cường đào tạo trực tuyến, làm việc trực tuyến, họp trực tuyến

5. Phát triển hệ thống phân phối nội địa

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

Thiên Long tiếp tục phát triển hệ thống phân phối:

- Tái cấu trúc hệ thống phân phối để tối ưu hóa việc quản lý, giảm chi phí, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục phát triển và nâng cấp hệ thống nhà phân phối của kênh phân phối truyền thống (GT) và kênh hiện đại (MT) theo hướng chuyên nghiệp để đảm bảo sự tăng trưởng về sản lượng, cơ cấu cũng như doanh số.
- Triển khai nhanh các cơ cấu sản phẩm mới, đồng thời giúp việc kiểm soát chất lượng sản phẩm trên toàn hệ thống từ nhà máy đến tay người tiêu dùng ngày một tốt hơn.
- Tối ưu hóa việc áp dụng Hệ thống Quản lý Nhà phân phối (DMS) đến tất cả các nhà phân phối và khách hàng để quản trị hiệu quả và tiết kiệm chi phí, đo lường hiệu quả bán hàng và nâng cao hiệu quả bán hàng, tìm kiếm cơ hội bán hàng mới.

- **Định hướng năm 2021**

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng mới của từng nhóm đối tượng khách hàng để hỗ trợ tích cực cho việc phát triển các kênh bán hàng mới và tăng doanh số trên toàn hệ thống.
- Tiếp tục đi sâu vào việc phân phối cho hệ thống bán lẻ thông qua việc phát triển điểm bán và tăng cường chất lượng đội ngũ nhân viên bán hàng của Thiên Long tại nhà phân phối thông qua áp dụng công nghệ trong hoạt động chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục phát triển hình ảnh thương hiệu, nhãn hàng và đẩy mạnh việc hỗ trợ trên kênh bán hàng thông qua các hoạt động bảng hiệu, hộp đèn, quầy kệ, vật phẩm trưng bày, các chương trình cho hệ thống kinh doanh và người tiêu dùng cuối cùng.
- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả công nghệ để hỗ trợ công tác bán hàng, tăng hiệu suất bán hàng và nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược.
- Phát triển mạnh mẽ bán hàng trên kênh thương mại điện tử, bao gồm trang thương mại điện tử FlexOffice.com của Tập đoàn Thiên Long và các sàn thương mại điện tử lớn nhất Việt Nam: Shopee, Tiki, Sendo, Lazada.
- Đẩy mạnh việc bán hàng trên kênh B2B doanh nghiệp và B2B trường học.

6. Phục hồi hoạt động xuất khẩu trong tình hình khó khăn chung của kinh tế toàn cầu giữa đại dịch

- **Tình hình thực hiện năm 2020**

- Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, mang tới nhiều trở ngại và khó khăn chưa từng có khi các nền kinh tế toàn cầu đều chuyển sang chế độ ngừng hoạt động trong phần lớn năm 2020. Mặc dù gặp nhiều thách thức nhưng bộ phận Phát triển kinh doanh quốc tế đã tìm mọi cách để hạn chế những rủi ro và đạt được mức doanh thu 491 tỷ đồng, giảm gần 4% so với năm 2019. Bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch trong năm qua là các thị trường xuất khẩu chính của công ty như: Philippines, Myanmar, Indonesia cũng như các thị trường Đông Nam Á khác. Hoạt động phát triển thị trường của công ty ở những thị trường xuất khẩu mới mở như Trung Đông cũng bị đình trệ.
- Đối phó với sự giãn cách xã hội kéo dài ở nhiều quốc gia, bộ phận tiếp tục tăng tương tác với người tiêu dùng bằng cách tăng sự hiện diện trực tuyến và bắt đầu các hoạt động phát trực tiếp (livestream) đầu tiên của Công ty trong năm 2020 tại Philippines cũng như Myanmar. Tham gia hội chợ thực tế ảo Paperworld Dubai 2020 với nỗ lực duy trì cơ hội gặp gỡ khách hàng tiềm năng.

▪ **Định hướng năm 2021**

- Củng cố và phát triển thương hiệu tại các thị trường Đông Nam Á như Philippines, Myanmar, Thái Lan và Indonesia.
- Thu hút người dùng mới bằng cách phát triển các sản phẩm mới dựa trên nhu cầu của người tiêu dùng.
- Tập trung mạnh mẽ vào các hoạt động kích hoạt trực tuyến - đa dạng hóa & tăng cường điểm bán hàng trực tuyến đồng thời duy trì thông điệp thương hiệu nhất quán.
- Sử dụng các công cụ dựa trên điện toán đám mây để tăng hiệu quả trong việc triển khai nhân sự tại địa phương ở các quốc gia.
- Tập trung phát triển khách hàng và đơn hàng OEM.

7. Marketing và quảng bá

▪ **Tình hình thực hiện năm 2020**

Giữa tâm bão Covid-19, Tập đoàn Thiên Long vẫn luôn chủ động, linh hoạt và vững tâm giữa dòng sóng dữ.

(1) Thiên Long triển khai chương trình "Ở nhà làm gì vui?" với mục đích trấn an người tiêu dùng và mang đến niềm vui được mua hàng giảm giá tại nhà.

(2) Hàng loạt các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, kích cầu người tiêu dùng liên tục được tung ra để tạo không khí và cơ hội bán hàng trong thời gian dịch bệnh.

(3) Chương trình "Học kỳ đặc biệt" với 8 lớp học thông qua hình thức livestream trên mạng xã hội Facebook. Các nội dung này đã giúp các bé duy trì được hứng thú học tập, chủ động ôn luyện văn hay, vẽ đẹp, chữ tốt trong đợt nghỉ.

(4) Thiên Long cùng Hội đồng đội Trung Ương tổ chức cuộc thi vẽ tranh dành cho thiếu nhi với chủ đề "Bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch Covid-19" và chương trình "Nét chữ từ trái tim" nhằm khuyến khích tinh thần chống dịch, bảo vệ sức khỏe.

(5) Các nhóm sản phẩm mới, nhóm sản phẩm an toàn, bảo vệ sức khỏe, tiết kiệm và thân thiện với môi trường được Thiên Long tập trung phát triển để phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới – giúp điểm bán đón đầu và gia tăng cơ hội kinh doanh mới.

(6) Đội ngũ Thiên Long đến từng điểm bán, từng cửa hàng để thiết kế, lắp đặt hệ thống quầy kệ, bảng hiệu, chuẩn bị sẵn sàng triển khai các hoạt động bán hàng mới ngay sau khi dịch được kiểm soát.

Ngay khi dịch bệnh được kiểm soát, một loạt chương trình kích cầu, hỗ trợ bán hàng được Thiên Long đẩy mạnh triển khai.

(1) Combo giảm giá cho người tiêu dùng được thực hiện rộng rãi, đồng loạt trên toàn quốc.

(2) Chương trình kích thích bán hàng phục vụ mùa thi học kỳ 2 – mua sản phẩm được tặng gôm kháng khuẩn.

(3) Hàng triệu sticker "an toàn học đường" đã được tặng cho người tiêu dùng, hoạt động này nhận được nhiều cảm tình của nhiều bạn nhỏ và phụ huynh.

(4) Triển khai quảng bá video ca nhạc ĐƯỢC ĐI HỌC RỒI, SẴN SÀNG HỌC VUI, tạo hứng khởi cho học sinh ngày trở lại trường.

(5) Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ quý khách hàng đại lý thay đổi bảng hiệu, lắp đặt quầy kệ mới, mở rộng không gian bán hàng.

Sau đại dịch, 11 hoạt động hỗ trợ bán hàng trọng điểm kích thích tăng trưởng doanh số.

(1) Phát hành voucher ưu đãi cho học sinh mua hàng dịp hè và năm học mới để kích thích người tiêu dùng đến các điểm bán chọn mua trên toàn quốc.

(2) Ra mắt bộ sản phẩm Điểm 10 ưu đãi mùa tựu trường.

(3) Tổ chức các hoạt động hoạt náo để kích hoạt bán hàng ở các điểm bán lớn trên cả nước.

(4) Áp dụng trên toàn quốc chương trình Đập hộp Flexio – Trúng Iphone Pro dành cho khách hàng khi mua Flexio Fx590VN, Fx680VN với xác suất trúng thưởng lên đến 100%.

(5) Triển khai mạnh mẽ chiến dịch truyền thông & hỗ trợ bán hàng "Colokit Vitamin mới" giúp trẻ em học vui hơn, sáng tạo hơn.

(6) Tung COMBO TIẾP SỨC TRI THỨC và hàng chục nghìn voucher học online nhằm kích thích khách hàng mua sản phẩm theo bộ.

(7) Bố trí đội ngũ nhân sự trực tiếp giới thiệu sản phẩm tại các điểm bán MT, GT trong mùa thi, mùa tựu trường, Ngày Nhà giáo Việt Nam.

(8) Ra mắt sản phẩm bút sáp màu phiên bản phim Doraemon 2020 cùng hàng loạt ưu đãi đi kèm.

(9) Đẩy mạnh đầu tư quảng bá cho các sản phẩm tiềm năng, và thế hệ sản phẩm Thiên Long mới "Eco Friendly" - sản phẩm thân thiện với môi trường.

(10) Hợp tác với VTV7, Báo Thanh Niên chương trình quảng bá sản phẩm máy tính Flexio giúp tạo dựng niềm tin của khách hàng mục tiêu đối với sản phẩm, gia tăng cơ hội bán hàng cho Quý khách hàng đại lý.

(11) Đẩy mạnh chiến dịch "FIGHTING! TỰ TIN THI TỐT NHÉ!" với bộ sản phẩm mùa thi cho các sĩ tử trong chương trình Tiếp Sức Mùa Thi 2020.

- **Định hướng năm 2021**

Năm 2021, hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm và thương hiệu sẽ tiến đến hoạt động Thiên Long 40 năm tuổi:

- Triển khai hệ thống quầy kệ chuyên nghiệp trên toàn quốc cũng như thiết kế quầy kệ trưng bày chuyên biệt cho từng sản phẩm chủ lực của ngành hàng. Chuyên nghiệp hóa và đồng bộ hình ảnh nhãn hàng tại điểm bán.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi cho người tiêu dùng cuối nhằm tạo lực hút doanh số, kích thích người tiêu dùng mua sản phẩm. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các sản phẩm mới, các sản phẩm chiến lược trên các kênh truyền thông, kênh bán hàng nhằm giới thiệu rộng rãi sản phẩm đến người tiêu dùng, kích thích tăng trưởng doanh số.
- Tập trung thực hiện truyền thông, quảng cáo, tạo tăng trưởng đến một số sản phẩm, ngành hàng mục tiêu như hồ khô, máy tính khoa học, bút máy…đồng thời mở rộng ngành hàng sang các nhu cầu khác của người tiêu dùng – Các sản phẩm văn phòng phẩm sử dụng trong gia đình.
- Xây dựng & phát triển quy trình tạo ra sản phẩm mới một cách chuyên nghiệp hơn từ khâu ý tưởng cho đến tay người tiêu dùng. Theo đó, bộ phận Tiếp thị sẽ tái cấu trúc lại hệ thống nhân sự để hiện thực hóa mục tiêu.
- Bên cạnh việc quảng bá nhãn hiệu, sản phẩm, Thiên Long sẽ khai thác thêm các mùa vụ bán hàng khác trong năm và tiến hành thu bán hàng từ các hoạt động, chương trình vì cộng đồng như Tiếp sức mùa thi, Chia sẻ cùng thầy cô, Vì mái trường xanh, Ngày hội sắc màu, Yêu chữ Việt…
- Xây dựng nền tảng hoạt động sang chuyển đổi số nhằm nắm bắt cơ hội cũng như dự đoán trước những rủi ro thị trường để xây dựng các chương trình Marketing phù hợp, mang tính đột phá và tiên phong.
- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ và toàn xã hội với các hoạt động hướng đến kỷ niệm Thiên Long 40 năm tuổi.

8. Chuyển đổi số và công nghệ thông tin

Năm 2021, TLG tập trung triển khai kế hoạch Chuyển đổi số và Công nghệ thông tin như sau:

- Xây dựng lộ trình Chuyển đổi số bao gồm toàn bộ chuỗi giá trị của Tập đoàn (Kế hoạch kinh doanh; Phát triển sản phẩm; Cung ứng nguyên vật liệu; Sản xuất; Lưu kho; Bán hàng và phân phối; Hậu mãi).
- Xây dựng lộ trình chuyển đổi hạ tầng, an toàn thông tin, hệ thống lõi, vận hành CNTT,… để đảm bảo nền tảng số hỗ trợ tốt nhất cho lộ trình chuyển đổi số.
- Chuyển đổi nguồn lực con người, nâng cao nhận thức của CB-CNV về chuyển đổi số thông qua các hoạt động truyền thông, đào tạo, workshop thúc đẩy sự thay đổi, sáng tạo.
- Phân tích tính thực tiễn các dự án số (sáng kiến số), đề xuất công nghệ phù hợp, xác định rõ KPIs cần đạt được của từng sáng kiến số, và tính toán ROI, đề xuất lộ trình triển khai mang tính hệ thống kết nối và toàn diện.

B. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Quý cổ đông vui lòng tham khảo tại phần trích dẫn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 đính kèm.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300[illegible]30 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN PHƯƠNG NGA

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP HCM, ngày 29 Tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG NĂM TÀI CHÍNH 2020

- *Căn cứ Điều lệ Công ty CP Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan tới quá trình hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty.*

Nay, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động trong năm 2020 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát (BKS) gồm ba thành viên:

  Bà Nguyễn Thị Bích Ngà Trưởng Ban

  Bà Tạ Hồng Diệp Thành viên

  Ông Đinh Đức Hậu Thành viên.

- Trong năm BKS đã tiến hành các cuộc họp định kỳ với các thành viên nhằm cập nhật thông tin, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động trong năm theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, với các nội dung công việc chính như sau:
  - Thực hiện giám sát công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc tuân thủ Điều lệ, việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Quy định của Pháp luật có liên quan.
  - Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm.
  - Thường xuyên phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành các hoạt động kiểm tra tại một số bộ phận/phòng ban trong Công ty và Các Công ty con về việc tuân thủ các thủ tục, quy trình, quy định của Công ty, kiểm tra tính hiện hữu, hợp lý của các khoản mục chi phí.

II. Kết quả giám sát hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020

Ban Kiểm soát ghi nhận các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam được phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành.

Việc trích lập các quỹ, chi thưởng vượt KH lợi nhuận, các khoản thù lao đã được thực hiện đúng theo các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Trong năm 2020, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 và đợt 3 năm 2019 cho Cổ đông với tỷ lệ 10% mệnh giá bằng tiền mặt theo đúng với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và chi tạm ứng cổ tức đợt 1năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Trong năm Công ty cũng đã tiến hành mua lại 1.500.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân (đã bao gồm phí) là 30.874

đồng/cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và cũng đã phát hành cổ phiếu quỹ này cho Người lao động trong Công ty theo đúng quy chế chương trình bán cổ phiếu quỹ cho người lao động năm 2020.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động SXKD của Công ty bị giảm sút nhiều so với năm trước, với kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.684,6 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- LNST đạt 239,8 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch đề ra.

Tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2020, với các số liệu chính như sau:

Tổng tài sản : 2.314,6 tỷ, trong đó:

- ✓ Tài sản ngắn hạn: 1.701,8 tỷ
- ✓ Tài sản dài hạn: 612,8 tỷ

Cơ cấu nợ của Công ty:

1. Nợ phải trả là 566,3 tỷ (Giảm 7% so với 2019), gồm:
   - Nợ ngắn hạn : 499,6 tỷ
   - Nợ dài hạn : 66,8 tỷ
2. Vốn Chủ sở hữu: 1.748,3 tỷ

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban TGĐ

Hội đồng Quản trị và Ban TGĐ Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD, cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT luôn theo sát và hỗ trợ Ban TGĐ trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Ban TGĐ và Các Cấp quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.

Việc công bố thông tin đến Cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGĐ và các Cán bộ quản lý khác:

HĐQT, Ban TGĐ và BKS Thường xuyên trao đổi, chia sẻ thông tin, cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban TGĐ đã luôn hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Các tài liệu, báo cáo được cung cấp đúng thời hạn.

BKS luôn cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp giữa HĐQT và Ban TGĐ khi được mời.

IV. Kết luận và kiến nghị của BKS

Từ các đánh giá về hoạt động và kết quả tài chính năm 2020 của Công ty, BKS kính đề nghị Đại hội thông qua các nội dung báo cáo về tình hình hoạt động trong năm 2020 vừa được HĐQT và Ban TGĐ trình bày trước Đại hội.

Với những khó khăn và thách thức tất yếu sẽ đến trong thời gian tới, và với tâm thế quyết tâm chuyển đổi, thay đổi để đón đầu xu hướng mới, theo kịp thời đại nhằm đạt được kế hoạch đề

ra thì việc kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả công việc là yếu tố mà Công ty cần tập trung, cụ thể:

- Khẩn trương xây dựng các tiêu chuẩn về quản trị tài chính, nhằm tránh, giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh, giúp kiểm soát tốt các hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình nội bộ liên quan đến tất cả các hoạt đông trong mô hình, cơ cấu mới của Công ty.
- Củng cố và xây dựng đội ngũ nhân sự đủ tầm, năng động và có tâm, sẵn sàng giao trách nhiệm, quyền hạn với môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện và hiên đại.
- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, chi phí ở các Bộ phận/Phòng ban/ Công ty con, cần có biện pháp và kế hoạch cụ thể hơn nhằm giảm các chỉ tiêu về nợ phải thu, hàng tồn kho nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Trên đây là những nội dung báo cáo của BKS xin được trình bày trước ĐH

Xin cảm ơn và xin chúc Quý vị cổ đông và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Số: 03/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 10/2021/BBH-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2021.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1) **Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021:**
   - Doanh thu thuần : 3.000 tỷ đồng
   - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế : 280 tỷ đồng
2) **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**
   - Cổ tức năm 2021 : dự kiến 20%/mệnh giá
   - Trích Quỹ đầu tư phát triển : 12% từ lợi nhuận sau thuế
   - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% từ lợi nhuận sau thuế
   - Thù lao và chi phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát : 9,5 tỷ đồng/năm.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

CÔ GIA THỌ

Số: 02/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 10/2021/BBH-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2021.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	**Số tiền** *Đơn vị tính: ngàn VNĐ*
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	239.845.037
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	13.767.704

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG - Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CỔ GIA THỌ

Số: 01/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trích dẫn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 04/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*

Kính thưa Đại hội,

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 như sau:

- Lựa chọn một (1) trong ba (3) Công ty Kiểm toán có tên dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty gồm:
  1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
  2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
  3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cụ thể.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Số: 05/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức - hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 01/01/2021;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 02/07/2020;*

Kính thưa Đại hội,

Ngày 17/06/2020, Chính phủ ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thay thế Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 ("**LDN 2020**").

Theo đó, Điều lệ hiện hành được xây dựng trên cơ sở tham khảo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Thông tư 116/2020/TT-BTC**") và LDN 2020.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng , trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nay, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành theo phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN-T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 06/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 10/2021/BBH-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2021.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Thiên Long.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 07/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thiên Long.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Số: 08/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

(V/v: Thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long)

Xét tình hình hoạt động và vận hành hiện nay của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đề xuất tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn theo hướng để Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long (sau đây gọi tắt là **"Thiên Long"**) là Công ty mẹ, với chức năng hoạt động tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, phát triển thương hiệu Thiên Long và đầu tư, quản lý và điều phối nguồn vốn giữa các công ty con trực thuộc Thiên Long. Thiên Long sẽ chuyển giao toàn bộ dự án đầu tư sản xuất các loại văn phòng phẩm hiện tại của Thiên Long trên địa bàn Khu Công Nghiệp Tân Tạo theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814 được cấp ngày 06/12/2018 bởi Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là "**Dự án Nhà Máy Tân Tạo**") cho một công ty con mới thuộc sở hữu 100% bởi Thiên Long, để công ty con mới kế thừa và tiếp tục thực hiện Dự án này.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Thiên Long thông qua các nội dung sau:

1. **Thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long bao gồm:**
   - Thành lập một công ty con do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại văn phòng phẩm (dự kiến tên gọi là "**Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long**").
   - Góp vốn vào Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017, các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và bán thành phẩm gắn với Dự án Nhà Máy Tân Tạo ("**Tài Sản Góp Vốn**") và tiền mặt. Theo đó, Dự án Nhà Máy Tân Tạo sẽ được chuyển giao từ Thiên Long sang Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long để tiếp tục thực hiện.
   - ĐHĐCĐ áp dụng quy định tại Điều 36, Khoản 1, Luật Doanh Nghiệp 2020 thống nhất việc tự ghi nhận giá trị Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long đúng bằng giá trị của Tài Sản Góp Vốn (theo giá trị còn lại trên sổ sách tính đến ngày 31/8/2021).
   - Tổ chức và sắp xếp lại hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.
2. **ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc chi tiết theo chủ trương nêu trên, bao gồm:**

- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với:

  (a) Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long**. Trong trường hợp tên doanh nghiệp dự kiến trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định tên doanh nghiệp đăng ký chính thức cho công ty con.

  (b) Địa chỉ trụ sở: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  (c) Vốn điều lệ: 600 tỷ đồng. Trong thời hạn góp vốn luật định, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT kiểm kê sổ sách và xác định giá trị Tài Sản Góp Vốn theo sổ sách và góp thêm bằng tiền mặt để ghi nhận tổng vốn điều lệ là: 600 tỷ đồng.

- Tiến hành các thủ tục pháp lý, bao gồm nhưng không chỉ có việc lập hợp đồng góp vốn công chứng, việc đăng kí biến động và xin cấp giấy chứng nhận mới, phát sinh từ việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với Dự án Nhà máy Tân Tạo của Thiên Long cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long;

- Thay mặt ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức thực hiện thẩm định giá, lựa chọn đơn vị thẩm định giá phù hợp để đánh giá lại giá trị thực tế của tất cả Tài Sản Góp Vốn nói trên nhằm ghi nhận đúng và đủ giá trị "***vốn góp thực hiện dự án***" cho mục đích kê khai, đăng kí, báo cáo và thống kê về dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để bàn giao và điều chuyển Tài Sản Góp Vốn, nhân sự và toàn bộ Dự án Nhà Máy Tân Tạo sang cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long với điều kiện không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Dự án Nhà Máy Tân Tạo.

Trong trường hợp bất cứ quy trình hay thủ tục hành chính nào phát sinh hoặc nếu có bất kì ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước nào làm thay đổi các hoạt động đã được phê duyệt của Dự án Nhà Máy Tân Tạo liên quan đến việc tái sắp xếp và cấu trúc lại này, HĐQT có quyền đình chỉ hoặc huỷ bỏ thực hiện các công việc dang dở và xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để điều chỉnh hoặc thay đổi phương án thực hiện.

3. Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Bổ sung ngành:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế)	7020

- Điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh, đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty như sau:

"*1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế).	7020 (Chính)

2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng. *(không thực hiện tại trụ sở)*	3290
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
5	In ấn Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty. *(không thực hiện tại trụ sở)*	1811
6	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2829
7	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) *(không thực hiện tại trụ sở)*	3240
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) *(không thực hiện tại trụ sở)*	2220
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bật lửa, pin, keo cây,	4669

	dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.	
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). *(không thực hiện tại trụ sở)*	2817
11	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2651

- Thời điểm có hiệu lực bổ sung ngành và điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

4. Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Thiên Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ công ty về địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

  "Trụ sở đăng ký của Công ty là:

  Địa chỉ: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam."
- Thời điểm có hiệu lực thay đổi địa chỉ trụ sở chính và điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

Số: 09/2021/TT - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 10/2021/BBH-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2021.*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021 như sau:

1. **Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Trần Văn Hùng.**
2. **Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021.**

Căn cứ Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp và Điều 24.1 Điều lệ Công ty quy định *"Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người"*.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 số 01/2019/NQ - ĐHĐCĐ ngày 31/05/2019 thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2021 là 09 thành viên.

Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2017 – 2021.

Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ đề cử, ứng cử, Hội đồng Quản trị xin giới thiệu danh sách ứng cử viên dưới đây và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2017 – 2021 như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ hiện tại
1	Ông. Nguyễn Đình Tâm	Chủ tịch Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành

Hội đồng Quản trị xin gửi kèm lý lịch của các ứng cử viên để trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị để tiến hành bầu cử.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

M.S.D.N: 0301464830 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔ GIA THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 ngày 29/06/2021.*

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long được tổ chức lúc 16 giờ 30 phút vào ngày 29 tháng 06 năm 2021 và kết thúc lúc ….. giờ ….. phút cùng ngày, tại Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, với tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự là …..người, sở hữu và đại diện cho …..cổ phần, chiếm …..% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Sau khi thảo luận và biểu quyết, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại cuộc họp thường niên năm tài chính 2020 đã thống nhất các Quyết nghị sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành ……%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 và Định hướng phát triển năm 2021 của Tập đoàn

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất năm 2020 của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu thuần năm 2020	2.684,6 tỷ đồng
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	239,8 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết tán thành ……%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020

- Đại hội thống nhất thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	**Số tiền** ***Đơn vị tính: ngàn VNĐ***
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	**239.845.037**
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho HĐQT	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	**13.767.704**

- Và ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 6. Thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Đại hội thống nhất thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	**Phân phối lợi nhuận**	**Giá trị**
1	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021	
	- Doanh thu thuần	3.000 tỷ đồng
	- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	280 tỷ đồng

Stt	Phân phối lợi nhuận	Giá trị
2	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	- Cổ tức năm 2021	Dự kiến 20%/mệnh giá
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	12% từ lợi nhuận sau thuế
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% từ lợi nhuận sau thuế
	- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	9,5 tỷ đồng/năm

- Và ủy quyền cho HĐQT được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2021

Đại hội thống nhất thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán có tên dưới đây để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức – hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 11. Thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn Thiên Long

Xét tình hình hoạt động và vận hành hiện nay của Tập đoàn, HĐQT đề xuất tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn theo hướng để Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long (sau đây gọi tắt là **"Thiên Long"**) là Công ty mẹ, với chức năng hoạt động tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, phát triển thương hiệu Thiên Long và đầu tư, quản lý và điều phối nguồn vốn giữa các công ty con trực thuộc Thiên Long. Thiên Long sẽ chuyển giao toàn bộ dự án đầu tư sản xuất các loại văn phòng phẩm hiện tại của Thiên Long trên địa bàn Khu Công Nghiệp Tân Tạo theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814 được cấp ngày 06/12/2018 bởi Ban quản lý các khu chế xuất và

công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là "**Dự án Nhà Máy Tân Tạo**") cho một công ty con mới thuộc sở hữu 100% bởi Thiên Long, để công ty con mới kế thừa và tiếp tục thực hiện Dự án này.

Trên cơ sở đó, ĐHĐCĐ thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. **Thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long bao gồm:**

- Thành lập một công ty con do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại văn phòng phẩm (dự kiến tên gọi là "**Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long**").
- Góp vốn vào Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017, các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và bán thành phẩm gắn với Dự án Nhà Máy Tân Tạo ("**Tài Sản Góp Vốn**") và tiền mặt. Theo đó, Dự án Nhà Máy Tân Tạo sẽ được chuyển giao từ Thiên Long sang Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long để tiếp tục thực hiện.
- ĐHĐCĐ áp dụng quy định tại Điều 36, Khoản 1, Luật Doanh Nghiệp 2020 thống nhất việc tự ghi nhận giá trị Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long đúng bằng giá trị của Tài Sản Góp Vốn (theo giá trị còn lại trên sổ sách tính đến ngày 31/8/2021).
- Tổ chức và sắp xếp lại hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

2. **ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc chi tiết theo chủ trương nêu trên, bao gồm:**

- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với:
  - (a) Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long**. Trong trường hợp tên doanh nghiệp dự kiến trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định tên doanh nghiệp đăng ký chính thức cho công ty con.
  - (b) Địa chỉ trụ sở: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - (c) Vốn điều lệ: 600 tỷ đồng. Trong thời hạn góp vốn luật định, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT kiểm kê sổ sách và xác định giá trị Tài Sản Góp Vốn theo sổ sách và góp thêm bằng tiền mặt để ghi nhận tổng vốn điều lệ là: 600 tỷ đồng.
- Tiến hành các thủ tục pháp lý, bao gồm nhưng không chỉ có việc lập hợp đồng góp vốn công chứng, việc đăng kí biến động và xin cấp giấy chứng nhận mới, phát sinh từ việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với Dự án Nhà máy Tân Tạo của Thiên Long cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long;
- Thay mặt ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức thực hiện thẩm định giá, lựa chọn đơn vị thẩm định giá phù hợp để đánh giá lại giá trị thực tế của tất cả Tài Sản Góp Vốn nói trên nhằm ghi nhận đúng và đủ giá trị "***vốn góp thực hiện dự án***" cho mục đích kê khai, đăng kí, báo cáo và thống kê về dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để bàn giao và điều chuyển Tài Sản Góp Vốn, nhân sự và toàn bộ Dự án Nhà Máy Tân Tạo sang cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long với điều kiện không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Dự án Nhà Máy Tân Tạo.

Trong trường hợp bất cứ quy trình hay thủ tục hành chính nào phát sinh hoặc nếu có bất kì ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước nào làm thay đổi các hoạt động đã được phê duyệt của Dự án Nhà Máy Tân Tạo liên quan đến việc tái sắp xếp và cấu trúc lại này, HĐQT có quyền đình chỉ hoặc huỷ bỏ thực hiện các công việc dang dở và xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để điều chỉnh hoặc thay đổi phương án thực hiện.

3. Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Bổ sung ngành:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế)	7020

- Điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh, đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty như sau:

"1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế).	7020 (Chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng. *(không thực hiện tại trụ sở)*	3290
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
5	In ấn	1811

	Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty. *(không thực hiện tại trụ sở)*	
6	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2829
7	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) *(không thực hiện tại trụ sở)*	3240
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) *(không thực hiện tại trụ sở)*	2220
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bật lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.	4669
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). *(không thực hiện tại trụ sở)*	2817
11	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. *(không thực hiện tại trụ sở)*	2651

- Thời điểm có hiệu lực bổ sung ngành và điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

4. Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và cập nhật điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ công ty về địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

"Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam."

- Thời điểm có hiệu lực thay đổi địa chỉ trụ sở chính và điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021

Đại hội thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021 như sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Văn Hùng.
- Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Ông/ Bà .....với số phiếu bầu là: ..... phiếu, đại diện cho ..... cổ phần tương đương với số quyền biểu quyết được bầu cử, đạt tỷ lệ ..... %. Kết quả: Trúng cử.

Như vậy, Danh sách HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 kể từ ngày 29/06/2021 là:

1. Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT
3. Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT
4. Bà Trần Thái Như	Thành viên HĐQT
5. Bà Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT
6. Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT
7. Ông Tayfun Uner	Thành viên HĐQT
8. Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên HĐQT
9. Ông/Bà	Thành viên HĐQT

Điều 13. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày 29/06/2021

Nghị quyết này đã được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 thông qua với tỉ lệ đồng ý 100% và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021. HĐQT chịu trách nhiệm công bố Nghị Quyết này trên website Công ty (www.thienlonggroup.com) theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành .....%

Điều 14. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔ GIA THỌ

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Điều 1 Giải thích thuật ngữ	Sửa đổi Điểm h Khoản 1	- *"h. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;"*	- *"h. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;"*	➢ Điều chỉnh và cập nhật các dẫn chiếu theo quy định của LDN 2020
	Sửa đổi Điểm k Khoản 1	- *"k. **"Cán bộ Quản lý"** có nghĩa là Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn;"*	- *"k. "**Người điều hành**" có nghĩa là Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng;"*	➢ Điều chỉnh quy định tương ứng với thuật ngữ được quy định của Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm l Khoản 1	- *"l. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Cán bộ Quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;"*	- *"l. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" hoặc "**thành viên không điều hành**" có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty;"*	➢ Điều chỉnh tương ứng với Quy định tại Điểm k Khoản 1 nêu trên
	Sửa đổi Điểm m Khoản 1	- *"m. **"Thành viên độc lập HĐQT"**(sau đây gọi là thành viên độc lập) có nghĩa là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;"*	- *"m. **"Thành viên độc lập HĐQT"** hoặc "**thành viên độc lập**" có nghĩa là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;"*	➢ Điều chỉnh và cập nhật các dẫn chiếu theo quy định của LDN 2020.
	Sửa đổi Điểm n Khoản 1	- *"n. "**Những người liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;"*	- *"n. "**Người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ theo quy định tại Điều 1.1.i Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm	- Chưa quy định	- *"o. "**Người quản lý doanh nghiệp**"*	➢ Bổ sung thuật ngữ theo

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	o Khoản 1		*bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành;*	quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty."*	- *"1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với thuật ngữ sử dụng theo Điều 5 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bỏ Khoản 2	- *"2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua."*	- N/A	
Điều 5 Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Sửa đổi Khoản 6	- *"6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách*	- *"6.Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá."	*thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác."*	
	Sửa đổi Khoản 8	- *"8. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá do HĐQT quyết định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá sẽ do cổ đông thanh toán."*	- *"8. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá do HĐQT quyết định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá sẽ do cổ đông thanh toán."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 132 LDN 2020
	Sửa đổi Khoản 9	- *"9. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:* *- HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng.*	- *"9. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:* *- HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được bán trong thời hạn mười hai tháng.*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ theo Điều 133 LDN 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định; *...* - *Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên;* - *Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT*	*Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;* *...* - *Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên;* *...”*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Cách thức lập quỹ cổ phiếu do HĐQT quyết định;...”		
Điều 6 Chứng nhận cổ phiếu	Sửa đổi Khoản 3	- *“3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.”*	- *“3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu”*	➢ Điều chỉnh theo Điều 7 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 4	- *“4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.”*	- *“4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp, bị tiêu hủy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:* - *Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			hình thức khác; - *Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới."*	
Điều 8 Chuyển nhượng cổ phần	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán"*	- *"2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận Cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp Điều 9 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 9 Thu hồi cổ phần	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty."*	- *"1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 10 Điều lệ mẫu mới kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 5	- *"5.Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của*	- *"5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi"	*hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi."*	
Điều 11 Quyền của Cổ đông	Sửa đổi điểm a Khoản 2	- *"a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi điều kiện Công ty cho phép;"*	- *"a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi điều kiện Công ty cho phép hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;"*	➢ Điều chỉnh theo Điều 12 Điều lệ mẫu mới kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi điểm d Khoản 2	- *"d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;"*	- *"d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;"*	
	Sửa đổi điểm e Khoản 2	- *"e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;"*	- *"e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;"*	
	Sửa đổi điểm g Khoản 2	- *"g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và*	- *"g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần vào Công ty;"*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		các cổ đông loại khác của Công ty theo quy định của pháp luật;"		
	Bổ sung các Điểm i, j, k Khoản 2	- Chưa quy định	- *"i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;* *j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;* *k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;"*	
	Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:"*	- *"3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:"*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 2 và 3 Điều 12 Điều lệ mẫu mới kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 2 và 5 Điều 115 LDN 2020. Điều lệ hiện tại của TLG chỉ sử dụng một mức là 10%, theo quy định của Luật doanh
	Bỏ Điểm a Khoản 3 và chuyển xuống quy định tại Khoản 4	- *"a. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này"*	- N/A	
	Sửa đổi Điểm b	- *"b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc*	- *"a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Khoản 3	*triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp"*	*triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp"*	nghiệp và Điều lệ mẫu mới có đưa ra 2 mức là 5% và 10%, tuy nhiên có cho phép doanh nghiệp điều chỉnh tỷ lệ. Do đó, phần điều chỉnh bên cạnh (Mục 3 và 4) đang tương ứng với Điều lệ mẫu mới và Luật doanh nghiệp.
	Bỏ Điểm c Khoản 3	- *"c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ"*	- N/A	
	Bổ sung Điểm b và d Khoản 3	- Chưa quy định	- *"b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;* *d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;"*	
	Sửa đổi Điểm d Khoản 3 thành Điểm c Khoản 3	- *"d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải*	- *"c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản;*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;"	*phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ tru sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;"*	
	Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- *"4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:* *a. Các Cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;* *b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử."	
Điều 12 Nghĩa vụ của các Cổ đông	Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định"*	- *"3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua"*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điều 13 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bỏ Khoản 4	- *"4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần."*	- N/A	
	Bổ sung khoản 6	- Chưa quy định	- *"6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra."*	➢ Bổ sung theo quy định tại Điều 13 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Khoản 7	- Chưa quy định	- *"7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại*	➢ Điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Điều

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác."	119 Luật DN 2020 và Khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 13 **Đại hội đồng cổ đông**	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1	- *"1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi Công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán thì theo đề nghị của HĐQT có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính."*	- *"1. ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi Công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán thì theo đề nghị của HĐQT có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 14 Điều lệ mẫu và Điều 139 LDN 2020
	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2	- *"2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính*	- *"2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm...”	*hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty...”*	
	Bỏ Điểm b Khoản 3	- *“b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;”*	- N/A	➢ Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu mới tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm c Khoản 3 thành Điểm b Khoản 3	- *“c. Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;”*	- *“b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật”*	
	Sửa đổi Điểm d Khoản 3 thành	- *“d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này*	- *“c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Điểm c Khoản 3	*yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền."*	*lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;"*	
	Bỏ Điểm e Khoản 3	- *"e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Cán bộ Quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý*	- N/A	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;"		
	Bổ sung Điểm d Khoản 3	- Chưa quy định	- *"d. Theo yêu cầu của BKS;"*	
	Sửa đổi Điểm a Khoản 4	- *"a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;"*	- *"a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;"*	➢ Điều chỉnh và cập nhật các quy định dẫn chiếu và theo Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm b Khoản 4	- *"b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Điều lệ mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp"*	- *"b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;"*	
	Sửa đổi Điểm c Khoản 4	- *"c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Điều lệ, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo khoản 6 Điều 136 Luật*	- *"c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Doanh nghiệp;"	*Luật Doanh nghiệp;"*	
	Bổ sung Điểm e Khoản 4	- Chưa quy định	- *"e. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp."*	
Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Bỏ Khoản 1	- *"1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:* *a. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;* *b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty;* *c. Báo cáo HĐQT;* *d. Kế hoạch phát triển trung hạn (03-05 năm) và dài hạn (trên 05 năm) của Công ty."*	- N/A	➢ Điều chỉnh và gộp các nội dung theo quy định tại Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	Sửa đổi Khoản 2 thành Khoản 1	- *"2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:"*	- *"1. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:"*	
	Sửa đổi Điểm a Khoản 2	- *"a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;"*	- *"a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán"*	
	Sửa đổi Điểm b Khoản 2	- *"b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;"*	- *"b. Mức Cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;"*	
	Sửa đổi Điểm c	- *"c. Số lượng thành viên của HĐQT;"*	- *"c. Số lượng thành viên của HĐQT,*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Khoản 2		*Ban Kiểm soát;"*	
	Sửa đổi Điểm d Khoản 2	- *"d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;"*	- *"d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;"*	
	Sửa đổi Điểm e Khoản 2	- *"e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;"*	- *"e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;"*	
	Sửa đổi Điểm f Khoản 2	- *"f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;"*	- *"f. Quyết định ngân sách hoặc Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát;"*	
	Sửa đổi Điểm g Khoản 2	- *"g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;"*	- *"g. Phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;"*	
	Sửa đổi Điểm l Khoản 2	- *"l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;"*	- *"l. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị từ 35%*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;	
	Bỏ Điểm n Khoản 2	- *"n. Việc Tổng Giám đốc Điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;"*	- N/A	
	Sửa đổi Điểm o thành Điểm n Khoản 2	- *"o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;"*	- *"n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;"*	
	Bổ sung các Điểm o, p, q, r, s, t Khoản 2	- Chưa quy định	- *"o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;* *p. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;* *q. Định hướng phát triển của Công ty;* *r. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;* *s. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành; *t. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;"*	
	Sửa đổi Điểm p Khoản 2 thành Điểm u Khoản 2	- *"p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty."*	- *"u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty."*	
	Sửa đổi Điểm a Khoản 3 thành Điểm a Khoản 2	- *"a. Các hợp đồng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;"*	- *"a. Các hợp đồng, giao dịch quy định Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;"*	➢ Điều chỉnh thống nhất với quy định tại Điều 167 LDN 2020
Điều 15 Uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi tên Điều 15	- *"Điều 15: Các Đại diện được ủy quyền"*	- *"Điều 15: Uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ"*	
	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện."*	- *"1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10%*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điều 144 LDN 2020 và Điều 16 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện."	
	Sửa đổi và bổ sung Khoản 2	- *"2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:* *a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;* *b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;* *c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.* *Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp."*	- *"2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.* *Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)."*	
Điều 16 Thay đổi các quyền	Sửa đổi, bổ sung thành Khoản 1:	- *"Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít*	- *"1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ*	➢ Bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 148 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên."	*về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản."*	
Điều 17 Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình	Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 2	- *"a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp*	- *"a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ		*ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;"*	*ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;"*	Khoản 1 Điều 41 LDN 2020. Theo đó
	Sửa đổi Điểm a Khoản 3	- *"a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian; địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp."*	- *"a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông; thời gian; địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp"*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 LDN 2020
	Bỏ Điểm c Khoản 3	- *"c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp"*	- N/A	➢ Theo Điều 144 LDN 2020 thì văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
				quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Theo đó không cần mẫu chỉ định này.
	Sửa đổi Khoản 5	- *"5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 17 Điều lệ trong các trường hợp sau:* *a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn, hoặc không đủ, không đúng nội dung;* *b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;* *c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua."*	- *"5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 17 Điều lệ trong các trường hợp sau:* *a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;* *b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;* *c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 18 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi, bổ sung Khoản 6	- *"6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết."*	- *"6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 LDN 2020

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết."	
Điều 18 Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết."*	- *"2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại và gửi thông báo mời họp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên."*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điều 19 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể*	- *"3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập và gửi thông báo mời họp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự."*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		phê chuẩn"		
Điều 19 **Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**	Sửa đổi Khoản 1, 2, 3	- *"1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.* *2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.* *3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có*	- *"1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:* *a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu những người chịu*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điều 20 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng."	*trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;* *b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi"*	
	Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 2	- *"4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có*	- *"2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:* *a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. *Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp."*	*nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.* *b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.* *c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;* *d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp."*	
	Bổ sung Khoản 3	- Chưa quy định	- *"3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp."*	
	Sửa đổi Khoản 6 thành Khoản 5	- *"6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ*	- "*5. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền hoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		nếu nhận thấy rằng:"	*hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:"*	
	Sửa đổi Điểm a, b Khoản 6 thành Điểm a, b Khoản 5	- *"a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;* *b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;"*	- *"a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;* *b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;"*	
	Bỏ nội dung này	- *"Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại ĐHĐCĐ bị trì hoãn trước đó."*	- N/A	
	Sửa đổi Khoản 7 thành Khoản 6	- *"7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 của Điều lệ, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong đó những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ đó không bị ảnh hưởng."*	- *"6. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 4 Điều 19 của Điều lệ, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành."*	
	Sửa đổi Khoản 8, 9 thành Khoản 8	- *"8. Chủ tọa của ĐHĐCĐ hoặc Thư ký ĐHĐCĐ có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có*	- *"8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:* *a. Yêu cầu tất cả người dự họp*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		trật tự; hoặc để ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. *9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia ĐHĐCĐ."*	*chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;* *b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ."*	
	Sửa đổi Khoản 10 thành Khoản 9	- *"10. HĐQT sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:"*	- *"9. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:"*	
	Bổ sung vào Khoản 10	- Chưa quy định	- *"10. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế cho hình thức họp trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp. Người triệu tập họp*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			ĐHĐCĐ có quyền quyết định hình thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tuyến với trực tiếp phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy từng thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."	
	Bỏ Khoản 11, 12	- *"11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm ĐHĐCĐ, HĐQT có thể:* *a. Thông báo rằng ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa ĐHĐCĐ sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm ĐHĐCĐ chính");* *b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm ĐHĐCĐ chính có thể đồng thời tham dự ĐHĐCĐ;*	- N/A	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Thông báo về việc tổ chức ĐHĐCĐ không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này. *12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia ĐHĐCĐ ở Địa điểm ĐHĐCĐ chính.* *Hàng năm, Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản."*		
	Bổ sung Khoản 10	- Chưa quy định	- *"10. HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế cho hình thức họp trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền quyết định hình thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tuyến với trực tiếp phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy từng thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp, Công ty có trách*	➢ Đề xuất bổ sung để tạo sự linh hoạt trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ từ nay trở về sau.

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."	
Điều 20 Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Sửa đổi Điều 20	- *"Điều 20: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ"*	- *"Điều 20: Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ"*	
	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 20, khoản 8 Điều 24 và khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)."*	- *"1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, Khoản 1 Điều 16, khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản)."*	➢ Cập nhật các quy định dẫn chiếu của LDN 2020 và điều chỉnh thuật ngữ
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số*	- *"2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên biểu quyết tán thành tính trên*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):"	*tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản):"*	
	Sửa đổi Điểm c Khoản 2	- *"c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư <u>hoặc giao dịch mua, bán tài sản</u> Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;"*	- *"c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án <u>đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý</u> tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ cho tương thích
Điều 21 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Sửa đổi Điều 21	- *"Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của ĐHĐCĐ"*	- *"Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>Nghi quyết</u> của ĐHĐCĐ"*	➢ Điều chỉnh theo Điều 22 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh lại thuật ngữ
		- *"Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:"*	- *"Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>Nghi quyết</u> của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:"*	
	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty."*	- *"1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>Nghi quyết</u> của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty."*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến."*	- *"2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến."*	
	Sửa đổi Điểm c Khoản 3	- *"c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;"*	- *"Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;"*	
	Sửa đổi Điểm d Khoản 3	- *"d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;"*	- *"d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;"*	
	Sửa đổi Điểm f Khoản 3	- *"f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về*	- *"f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;"*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Công ty;"		
	Sửa đổi Điểm g Khoản 3	- *"g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty."*	- *"g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT."*	
	Sửa đổi Điểm e, f Khoản 5	- *"e. Các quyết định đã được thông qua;* *f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu."*	- *"e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;* *f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu."*	
	Sửa đổi Khoản 6	- *"6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu."*	- *"6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/hoặc gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu."*	
	Sửa đổi Khoản 8	- *"8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ."*	- *"8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ."*	
Điều 22 Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi tên Điều 22	- *"Điều 22: Biên bản họp ĐHĐCĐ"*	- *"Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ"*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 150 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu tại Thông tư
	Sửa đổi	- *"Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố*	- *"Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty."	*được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp". Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật*	116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty."	
Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Điều hành, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:* *a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;* *b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty."*	- *"1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:* *a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này;* *b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ là cập nhật điều khoản quy định theo Điều 151 LDN 2020 và Điều 24 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài*	- *"2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 3 Điều 152 Luật DN 2020

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền."	*bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền."*	
Điều 24 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	Sửa đổi và bổ sung Khoản 1	- *"1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành và tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống."*	- *"1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.* *Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.* *Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:*	➢ Điều chỉnh theo Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 1, 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT có 05 thành viên; *b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;* *c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.*	
	Sửa đổi và bổ sung Khoản 1	- *"1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên..... các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.....* *g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);"*	- *"1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên..... các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.....* *g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);"*	
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ*	- *"2. Các Cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 2 và 5 Điều 115 Luật DN 2020

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) người."	*dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên."*	
	Sửa đổi Khoản 4	- *"4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:* *a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;* *b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;* *c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng*	- *"4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp"*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 4 Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; *d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *e. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ."*		
	Sửa đổi Khoản 5	- *"5. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."*	- *"5. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán."*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 5 Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 25 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Sửa đổi Khoản 1, 2	- *"1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về ĐHĐCĐ.* *2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khác."*	- *"1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.* *2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành và các vị trí khác do HĐQT bổ nhiệm."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh thẩm quyền của HĐQT liên quan đến các vấn đề về quyền của chủ sở hữu đối với công ty con, thẩm quyền bổ nhiệm các vị trí trong Công ty. ➢ Cập nhật các quy định dẫn chiếu và điều chỉnh thuật ngữ
	Sửa đổi Điểm a Khoản 3	- *"a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;"*	- *"a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;"*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Sửa đổi Điểm c Khoản 3	- *"c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;"*	- *"c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;"*	
	Bỏ Điểm d Khoản 3	- *"d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ Quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Cán bộ Quản lý đó;"*	- N/A	
	Sửa đổi Điểm e Khoản 3 thành Điểm d Khoản 3	- *"e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;"*	- *"d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;"*	
	Sửa đổi Điểm g Khoản 3 thành Điểm f Khoản 3	- *"g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;"*	- *"f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;"*	
	Sửa đổi Điểm h và i Khoản 3 thành Điểm g Khoản 3	- *"h. Phê duyệt phương án đầu tư và dự án đầu tư, trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà không cần nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Điều lệ này, quyết định việc bán/chuyển nhượng tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính*	- *"g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay,*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		đã được kiểm toán gần nhất; *i. Quyết định giải pháp phát triển công nghệ, chuyển nhượng, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, sử dụng các biện pháp bảo đảm khoản vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 và khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;"*	*cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;"*	
	Sửa đổi Điểm j Khoản 3 thành Điểm h Khoản 3	- *"j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, cách chức Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;"*	- *"h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty"*	
	Sửa đổi Điểm l Khoản 3 thành	- *"l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ*	- *"j. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Điểm j Khoản 3	*tức;"*	*tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;"*	
	Sửa đổi Điểm n, o, p Khoản 3 thành Điểm l, m, n Khoản 3	- *"n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;* *o. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;* *p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;"*	- *"l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;* *m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;* *n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;"*	
	Sửa đổi điểm q Khoản 3 thành điểm o Khoản 3	*q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;*	*o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;*	
	Bỏ Điểm r	- *"r. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Cán bộ Quản lý và quyết định mức lương của họ."*	- N/A	➢ Trùng với quy định tại điểm h Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này
	Bỏ Khoản 4	- *"4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:* *a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;* *b. Thành lập các công ty con của Công ty;"*	- N/A	➢ Điều chỉnh theo Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm	- Chưa quy định	- *"p. Quyết định bán cổ phần chưa*	➢ Điều chỉnh bổ sung

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	p Khoản 3		*bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;"*	theo quy định tại Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm c Khoản 4 thành Điểm q Khoản 3	- *"c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);"*	- *"q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp"*	➢ Điều chỉnh theo Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm r Khoản 3	- Chưa quy định	- "r. *Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty."*	
	Bỏ Điểm d đến Điểm n Khoản 4	- *"d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;* *e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;* *f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách được HĐQT phê duyệt mà vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;*	- N/A	➢ Các nội dung này được quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu cũ tại Thông tư 95/2017/TT-BTC và đã bị loại bỏ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ mẫu mới tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; *h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;* *i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;* *j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;* *k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;* *l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;* *m. Quyết định sử dụng các quỹ Công ty;* *n. Các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc Điều hành theo đề xuất của HĐQT.*"		
	Sửa đổi Khoản 5 thành Khoản 4	- *"5. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng*	- *"4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu tại

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Giám đốc Điều hành trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua."	*155/2020/NĐ-CP."*	Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 6 thành Khoản 5	- *"6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Cán bộ Quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty."*	- *"5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Người điều hành và Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	Sửa đổi Khoản 7 thành Khoản 6	- *"7. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được."*	- *"6. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được."*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Khoản 10	- Chưa quy định	- *"10. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty."*	➢ Bổ sung thêm theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫutại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Điều 26 Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc Điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên."*	- *"1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty."*	➢ Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 275.2 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	Bổ sung Khoản 3	- Chưa quy định	- *"3. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu/thành viên góp vốn tại công ty nơi có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty con đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc cử hoặc hủy đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ở công ty đó. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên."*	➢ Điều chỉnh bổ sung để đảm bảo vấn đề quản trị được thông suốt
	Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- *"4. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT cho rằng cần thiết trong quá trình hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn quyền bổ*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			nhiệm, miễn nhiệm vị trí trưởng chi nhánh/trưởng văn phòng đại diện. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên.	
.	Bổ sung Khoản 5	- Chưa quy định	- *"5. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Công ty nếu không được quy định rõ trong Điều lệ này, trừ trường hợp thẩm quyền đó thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Điều lệ và pháp luật."*	
	Bổ sung Khoản 6	- N/A	- *"6. Chủ tịch HĐQT có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc bộ phận của Công ty."*	
	Bổ sung Khoản 7	- Chưa quy định	- *"7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT."*	
	Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 9	- *"4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày."*	- *"9. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày <u>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.</u>"*	
Điều 27	Điều chỉnh	- *"1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ*	- *"1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ*	➢ Điều chỉnh theo Điều

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Các cuộc họp của HĐQT	Khoản 1	*HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì trong số các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số, thì một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT."*	*HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập <u>và chủ trì</u>. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì trong số các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số, thì một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT."*	30 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, cập nhật các dẫn chiếu
	Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <u>bàn</u>:* *a. Tổng Giám đốc Điều hành hoặc ít nhất năm (05) <u>Cán bộ Quản lý</u>;* *b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;* *c. Ban Kiểm soát;* *d. Thành viên độc lập."*	- *"3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <u>thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT</u>:* *a. Tổng Giám đốc Điều hành hoặc ít nhất năm (05) <u>Người quản lý doanh nghiệp</u>;* *b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;* *c. Ban Kiểm soát;* *d. Thành viên độc lập <u>HĐQT</u>."*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Sửa đổi Khoản 4	- *"4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 của Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp HĐQT."*	- *"4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp HĐQT."*	
	Bỏ Khoản 5	- *"5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty."*	- N/A	
	Sửa đổi Khoản 7 thành Khoản 6	- *"7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn*	- *"6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp."	*cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp."*	
	Sửa đổi Điểm a Khoản 10 thành Điểm a Khoản 9	- *"a. Trừ quy định tại <u>điểm b khoản 10 Điều 27 Điều lệ này</u>, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;"*	- *"a. Trừ quy định tại <u>điểm b</u> <u>Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này</u>, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;"*	
	Sửa đổi Điểm c Khoản 10 thành Điểm c Khoản 9	- *"c. Theo quy định tại <u>điểm d khoản 10 Điều 27</u>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;"*	- *"c. Theo quy định tại <u>điểm d Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này</u>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;"*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Sửa đổi Điểm d Khoản 10 thành Điểm d Khoản 9	- *"d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 và điểm b khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó."*	- *"d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 33 và Điểm b Khoản 7 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó."*	
	Sửa đổi Khoản 14 thành Khoản 13	- *"14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết.* *Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.*	- *"13. Nghị quyết thông qua bằng hình thức khác: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. HĐQT ban hành nguyên tắc thông qua nghị quyết theo các hình thức này và giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn hình thức áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế, tùy từng thời điểm.* *Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ."*	
	Sửa đổi Khoản 17 thành Khoản 16	- *"17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc*	- *"16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót."*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		HĐQT có thể có sai sót."		
	Sửa đổi Khoản 15 thành Khoản 14	- *"15. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản."*	- *"14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực"*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 158 LDN 2020
Chương VIII.	Sửa đổi Tiêu đề Chương VIII	- *"TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY"*	- *"TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY"*	
Điều 29 Người điều hành	Sửa đổi Tên Điều 29	- *"Điều 29: Cán bộ Quản lý"*	- *"Điều 29: Người điều hành"*	➢ Điều chỉnh lại thuật ngữ và theo Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1	- *"1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Điều hành và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số*	- *"1. Người điều hành bao gồm các nhân sự được mô tả tại Điều 1 của Điều lệ này và những Người điều*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		lương các Phó Tổng Giám đốc nhất định và các loại Cán bộ Quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tuỳ từng thời điểm. Cán bộ Quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra."	*hành khác được HĐQT/Chủ tich HĐQT chấp thuận bổ nhiệm sau khi xem xét đề nghi của Tổng Giám đốc Điều hành. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra."*	
	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2	- *"2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Điều hành sẽ phải do HĐQT quyết định và hợp đồng của những Cán bộ Quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc Điều hành."*	- *"2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các vấn đề khác của Người điều hành sẽ phải do HĐQT/Chủ tich HĐQT quyết định theo thẩm quyền. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên."*	
Điều 30 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc Điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này."*	- *"2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc Điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 35 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh thẩm quyền của Tổng Giám đốc điều hành cho tương thích với thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Sửa đổi Điểm a, b, c, Khoản 3 Điều 30 thành các Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 30	- *"a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;* *b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;* *c. Kiến nghị số lượng các loại Cán bộ Quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch do HĐQT đề ra, quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;"*	- *"a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ;* *b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;* *c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;* *d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh khác ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT hoặc theo quyết định từng thời điểm của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;"*	
	Bổ sung Điểm e, f Khoản 3	- Chưa quy định	- *"e. Tuyển dụng lao động;* *f. Kiến nghị phương án trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;"*	
	Sửa đổi Khoản 6	- *"6. Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm)*	- *"6. Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm)*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền cho người khác."	*phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền <u>lại</u> cho người khác."*	
Điều 31 Người phụ trách quản trị Công ty	Sửa đổi. Khoản 1	- *"1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm"*	- *"1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u> Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm"*	➢ Điều chỉnh theo Điều 32 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm g Khoản 4	- Chưa quy định	- *"g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;"*	
Chương IX	Sửa đổi tiêu đề chương IX	- *"NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ</u>"*	- *"NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ <u>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</u>"*	
Điều 32 Trách nhiệm cẩn trọng	Sửa đổi	- *"Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và <u>Cán bộ Quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng*	- *"Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và <u>Người điều hành</u> khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự."	*trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự."*	
Điều 33 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác."*	- *"1. Thành viên BKS, Người quản lý doanh nghiệp và Những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 47 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 291 và Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác."*	- *"2. Thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin."*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Bổ sung Khoản 3, 4	- Chưa quy định	- *"3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.* *4. Thành viên Ban Kiểm soát và Người quản lý doanh nghiệp khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan."*	
	Sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 5	- *"3. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác."*	- *"5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác."*	
	Bổ sung Khoản	- Chưa quy định	- *"6. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng,*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	6 thành		*giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó."*	
	Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 7	- *"4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:"*	- *"7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc Những người liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:"*	
	Sửa đổi Điểm a, b Khoản 4 thành Điểm a, b Khoản 7	- *"a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện*	- *"a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; *b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;"*	*dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;* *b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan;"*	
	Bỏ điểm c	- *"c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện."*	- N/A	
	Bỏ nội dung này	- *"Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều*	- N/A	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		hành, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan."		
Điều 34 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra."*	- *"1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, và Người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra."*	➢ Điều chỉnh theo Điều 48 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh thuật ngữ
	Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường và thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền.*	- *"2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường và thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác, nhân*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty sẽ mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên."	*<u>viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty.</u> Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty sẽ mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên."*	
Điều 35 Thành viên Ban Kiểm soát	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1	- *"1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp</u>, Điều lệ Công ty và không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.*	- *"1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 169 Luật Doanh nghiệp</u>, Điều lệ Công ty và không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Tất cả*	➢ Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 168 LDN 2020 và Điều 38 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đảm bảo không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: *a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;* *b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;* *c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ."*	*các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đảm bảo không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:* *a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;* *b. Yêu cầu HĐQT, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;* *c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ."* *d.*	
	Sửa đổi Khoản	- *"2. Các cổ đông có quyền gộp số*	- *"2. Các Cổ đông có quyền gộp số*	➢ Điều chỉnh tương ứng

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	2	*phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên."*	*phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên."*	với Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này
	Bỏ Điểm b Khoản 6	- *"b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;"*	- N/A	➢ Điều chỉnh tương ứng theo Điều 37 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm b Khoản 7	- Chưa quy định	- *"b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;"*	
Điều 36 Ban Kiểm soát	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:"*	- *"1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:"*	➢ Cập nhật dẫn chiếu theo quy định của luật
	Sửa đổi Điểm a Khoản 1	- *"a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;"*	- *"a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty,*	➢ Bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại Điều 39 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;"	BTC
	Bổ sung các Điểm i, j, k, l, m, n, o, p, q Khoản 1	- Chưa quy định	- *"i. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;* *j. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp;* *k. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông.* *l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT và Người điều hành của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;* *m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;* *n. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			hành một số điều của Luật Chứng khoán; *o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;* *p. Có quyền yêu cầu HĐQT và Người quản lý doanh nghiệp cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; và* *q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."*	
	Bỏ Khoản 2 và sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 2	- *"2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho*	- *"2. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp."*	➢ Nội dung này có điểm trùng nhau/không tương thích với nội dung được bổ sung ở Khoản 1 nêu trên trên. Ngoài ra nội dung này được quy định tại Điều lệ mẫu cũ đã không còn được quy trong Điều lệ mẫu mới.

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		HĐQT. *3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp."*		
Chương XI	Sửa đổi tiêu đề Chương XI	- *"QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY"*	- *"QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY"*	
Điều 37 Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Sửa đổi Điều 37	- *"Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ"*	- *"Điều 37: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ"*	
	Sửa đổi Khoản 1 thành Khoản 1 và Khoản 2	- *"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này."*	- *"1. Cổ đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:* *a. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;* *b.Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng*	➢ Điều chỉnh theo Điều 49 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và phù hợp với Điều 115 Luật DN 2020

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. *2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này."*	
	Sửa đổi Khoản 2 thành Khoản 3	- *"2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật."*	- *"3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật."*	
Điều 38 Công nhân viên và công đoàn	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1	- *"1. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Cán bộ Quản lý."*	- *"1. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
Điều 39 Phân phối lợi	Sửa đổi Khoản 5	- *"5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một*	- *"5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một*	➢ Điều chỉnh theo Điều 51 Điều lệ mẫu tại

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
nhuận		*loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam."*	*loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam."*	Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 6	- *"6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác."*	- *"6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận Cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác."*	
Điều 44 Báo cáo tài	Điều chỉnh tên Điều 44	- *"Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý"*	- *"Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo*	➢ Điều chỉnh theo Điều 55 và Điều 56 Điều lệ

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
chính hằng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên			*thường niên"*	mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật, cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn luật định phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh."*	*"1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền."*	
	Bỏ nội dung Khoản 2, 3, 4, 5	- *"2. Các báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào thời điểm kết thúc năm tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài các báo cáo tài chính riêng, vào cuối mỗi năm tài chính Công ty còn phải lập các báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất,*	- N/A	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, và thuyết minh các báo tài chính hợp nhất) nhằm phản ánh tình hình tài chính tại thời điểm kết thúc năm và hoạt động kinh doanh ìrong năm của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính hợp nhất cũng phải được kiểm toán như các báo cáo tài chính riêng đã nói ở phần 1 của Điều 46 này. Ngoài các báo cáo tài chính riêng, Công ty còn phải nộp các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho các cơ quan thẩm quyền có liên quan. *3. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết ở Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Công ty phải lập các báo cáo tài chính hàng quý và sáu tháng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.* *4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.* *5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao*		

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		chụp các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hàng quý và sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp."		
	Bổ sung quy định tại Khoản 2, 3, 4	- Chưa quy định	- *"2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.* *3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.* *4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán"*	
Điều 45 Kiểm toán	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1	- *"1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài*	- *"1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp*	➢ Điều chỉnh theo Điều 57 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bi và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính"	*theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. "*	
	Bỏ Khoản 2	- *"2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."*	- N/A	
	Sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 2	- *"3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty."*	- *"2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty."*	
Điều 46 Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp	Sửa đổi tên Điều 46	- *"Điều 46: Quản lý, sử dụng và lưu trữ con dấu"*	- *"Điều 46: Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp"*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điều 43 LDN 2020 và Điều 58 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 1, 2	- *"1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức hình thức, số lượng, nội dung và mẫu con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy đinh của luật pháp.* *2. Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền giữ và quản lý con dấu. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Điều hành hoặc một thành viên khác giữ, quản lý hoặc sử dụng con dấu bằng văn bản ủy quyền. Việc*	- *"1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy đinh của pháp luật về giao dich điện tử.. HĐQT quyết đinh loại dấu, hình thức, số lượng, nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).* *2. Đối với con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu, Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền giữ, quản lý*	

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản."	*con dấu, khắc lại con dấu nếu mờ, hỏng, mất. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Điều hành hoặc một thành viên khác giữ, quản lý hoặc sử dụng con dấu bằng văn bản ủy quyền. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản."*	
	Bỏ Khoản 3	*"3. Con dấu Công ty:* *a. Số lượng con dấu: 01;* *b. Con dấu cóđường kính 36mm;* *c. Nội dung con dấu bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ thành phố của trụ sở chính Công ty;* *d. Hình thức: dấu tròn, mực đỏ."*	- N/A	
	Bổi Khoản 4 và bổ sung nội dung thành	- *"4. Phải đảm bảo nội dung con dấu phù hợp với quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục, văn hóa nước Việt Nam."*	- *"4. Đối với dấu dưới hình thức chữ ký số sẽ thực hiện theo quy định về giao dịch điện tử và quy chế sử dụng được ban hành bởi HĐQT."*	
Chương XVIII.	Sửa đổi tên Chương XVIII	- *"CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ"*	- *"GIẢI THỂ CÔNG TY"*	
Điều 47 Giải thể Công ty	Sửa đổi tên Điều 47	- *"Điều 47: Chấm dứt hoạt động"*	- *"Điều 47: Giải thể Công ty"*	➢ Điều chỉnh theo Điều 59 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Bổ sung Điểm b Khoản 1	- Chưa quy định	- *"b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;"*	
Điều 49 Giải quyết	Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt*	- *"1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới*	➢ Điều chỉnh theo Điều 62 Điều lệ mẫu mới

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
tranh chấp nội bộ		*động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản luật liên quan, giữa:* *a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc* b. *Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành hay Cán bộ Quản lý.*"	*hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản luật liên quan hoặc thỏa thuận, giữa:* *a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc* b. *Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, hay Người điều hành của Công ty."*	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	- Sửa đổi tiêu đề Điều 1	- "**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh**"	- "**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**"	
	- Sửa đổi Lời dẫn	- "*Quy định này được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 ("**Luật Doanh nghiệp**"); Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính; Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*"	- "*Quy định này được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 ("**Luật Doanh nghiệp**"); Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.*"	➢ Điều chỉnh và cập nhật các dẫn chiếu theo quy định của LDN 2020.
	- Bổ sung Khoản 1	- Chưa quy định	- "*1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.*"	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 1. Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Bổ sung Khoản 2	- Chưa quy định	- "*2. Đối tượng áp dụng: "Quy chế này được áp dụng cho các thành*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, các Người quản lý doanh nghiệp, các Người điều hành , và những người liên quan."	
Điều 2 Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán."*	- *"1. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán."*	➢ LDN 2020 và Luật Chứng khoán hiện hành đã điều chỉnh nội dung này ở những điều khoản khác so với phiên bản cũ
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các Cán bộ Quản lý khác trong Công ty được HĐQT bổ nhiệm."*	- *"2. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" hoặc "**Thành viên không điều hành**" có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm l Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Thành viên độc lập HĐQT là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:* *a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;* *b. Không phải là người đang*	- *"3. "**Thành viên độc lập HĐQT**" hoặc "**Thành viên độc lập**" có nghĩa là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm m Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định; *c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;* *d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;* *e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.*"		
	- Sửa đổi Khoản 6	- "*5. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng Cổ đông.*"	- "5. "***ĐHĐCĐ***" *có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông Công ty - là toàn bộ các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty.*"	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm c Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty
	- Bổ sung Khoản 9	- Chưa quy định	- "***Thành viên HĐQT thường trực***" *là thành viên HĐQT được HĐQT phân công, phân nhiệm để thực hiện, phụ trách, quản lý một công việc, bộ phận, lĩnh vực cụ thể theo quyết định của HĐQT*"	➢ Bổ sung thuật ngữ phục vụ cho yêu cầu tổ chức, điều hành của HĐQT

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Bổ sung nội dung	- Chưa quy định	- *"Những nội dung không được định nghĩa, giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu và áp dụng thống nhất như được định nghĩa, giải thích tại Điều lệ Công ty."*	➢ Bổ sung nhằm tạo cơ sở để hiểu và áp dụng đối với các thuật ngữ chưa được định nghĩa, đảm bảo sự thống nhất giữa Điều lệ và Quy chế quản trị
Điều 4 **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ**	- Sửa đổi tiêu đề Điều 4	- "***Điều 4: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ***"	- "***Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ***"	➢ Điều chỉnh tương ứng với Điều 14 Điều lệ Công ty
	- Bỏ Khoản 1	- *"1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:* *a. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;* *b. Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động của Công ty;* *c. Báo cáo HĐQT;* *d. Kế hoạch phát triển trung hạn (03-05 năm) và dài hạn (trên 05 năm) của Công ty."*	- N/A	
	- Sửa đổi Khoản 2 thành Khoản 1	- *"2. ĐHĐCĐ <u>thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:"</u>*	- *"1. ĐHĐCĐ <u>thảo luận và thông qua các vấn đề sau:"</u>*	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 2 thành Điểm	- *"a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;"*	- *"a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm <u>đã được kiểm</u>*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	a Khoản 1		*toán;"*	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 2 thành Điểm b Khoản 1	- *"b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;"*	- *"b. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;"*	
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 2 thành Điểm c Khoản 1	- *"c. Số lượng thành viên của HĐQT;"*	- *"c. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;"*	
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 2 thành Điểm d Khoản 1	- *"d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;"*	- *"d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;"*	
	- Sửa đổi Điểm e Khoản 2 thành Điểm e Khoản 1	- *"e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;"*	- *"e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS;"*	
	- Sửa đổi Điểm f Khoản 2 thành Điểm f Khoản 1	- *"f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;"*	- *"f. Quyết định ngân sách hoặc Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và BKS;"*	
	- Sửa đổi Điểm g Khoản 2 thành Điểm g Khoản 1	- *"g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;"*	- *"g. Phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;"	
	- Sửa đổi Điểm l Khoản 2 thành Điểm l Khoản 1	- *"l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;"*	- *"l. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;"*	
	- Bỏ Điểm n Khoản 2	- *"n. Việc Tổng Giám đốc Điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;"*	- N/A	
	- Sửa đổi Điểm o Khoản 2 thành Điểm n Khoản 1	- *"o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;"*	- *"n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;"*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Bổ sung Điểm o Khoản 1	- Chưa quy định	- *"o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;"*	
	- Bổ sung Điểm p Khoản 1	- Chưa quy định	- *"p. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;"*	
	- Bổ sung Điểm q Khoản 1	- Chưa quy định	- *"q. Định hướng phát triển của Công ty;"*	
	- Bổ sung Điểm r Khoản 1	- Chưa quy định	- *"r. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;"*	
	- Bổ sung Điểm s Khoản 1	- Chưa quy định	- *"s. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành;"*	
	- Bổ sung Điểm t Khoản 1	- Chưa quy định	- *"t. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;"*	
	- Sửa đổi Điểm p Khoản 2 thành Điểm	- *"p. Các vấn đề khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty*	- *"u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	u Khoản 1	*và các quy chế khác của Công ty."*	*các quy chế khác của Công ty."*	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 3 thành Điểm a Khoản 2	- *"a. Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;"*	- *"a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;"*	
Điều 5 Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ và lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp	- Sửa đổi tiêu đề Điều 5	- ***"Điều 5: Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ"***	- ***"Điều 5: Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ và lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp"***	
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn theo đề nghị của HĐQT, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp."*	- *"2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn theo đề nghị của HĐQT, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời dự họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên danh sách*	➢ Bổ sung theo yêu cầu tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh tương ứng với Điểm a Khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			người sở hữu Chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại thời điểm chốt danh sách."	
Điều 7 Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, nội dung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ	- Sửa đổi Điểm a Khoản 4	- *"a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp."*	- *"a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm a Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 4	- *"c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:* - *Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;* - *Phiếu biểu quyết;* - *Mẫu chỉ đinh đại diện theo ủy quyền dự họp;* - *Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên*	- *"c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:* - *Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;* - *Phiếu biểu quyết;* - *Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên HĐQT."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 144 LDN 2020 và Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		HĐQT."		
	- Bổ sung Khoản 5	- Chưa quy định	- "5. *Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với yêu cầu tại Điểm đ Khoản 2 Điều 2 Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Sửa đổi Khoản 5 thành Khoản 6	- "*5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp."*	- "*6. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 4 Điều 17 và Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Khoản 6 thành Khoản 7	- "*6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:* *a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn, hoặc không đủ, không đúng nội dung;* *b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông*	- "*7. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối đề xuất quy định tại Khoản 6 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 3 Điều 142 LDN 2020 và Khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên; *c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua."*	*triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:* *a. Đề xuất được gửi đến không đúng theo quy định tại Khoản 6 Điều này;* *b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;* *c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua".*	
	- Sửa đổi Khoản 7 thành Khoản 8	- *"7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết."*	- *"8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty và Khoản 4 Điều 142 LDN 2020
	- Bổ sung Khoản 9	- Chưa quy định	- *"9. Uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:*	➢ Bổ sung nhằm phù hợp với yêu

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. *b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy*	cầu tại Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 15 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			quyền và bên được ủy quyền. *Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).* *c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).* *d. Trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 9 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:* *(i) Người ủy quyền đã chết, bị*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; *(ii) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;* *(iii)Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.* *Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại."*	
Điều 8 **Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ**	- Bổ sung Điểm c Khoản 2	- Chưa quy định	- *"c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm b Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			muộn tham dự sẽ không thay đổi."	
	- Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- *"4. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ* *ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm i Khoản 2 Điều 2 Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 1 Điều 147 LDN 2020
Điều 9 **Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ thường niên**	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:* *...* - *Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT;* - *Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Điều hành;* - *Kết quả giám sát đối với các Cán bộ Quản lý khác;* - *Các kế hoạch trong tương lai."*	- *"1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:* *...* - *Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			- *Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT;* - *Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);* - *Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Điều hành;* - *Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác;* - *Các kế hoạch trong tương lai."*	
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau:* - *Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên;* - *Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;* - *Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;* - *Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác; ..."*	- *"2. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau:* - *Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên;* - *Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;* - *Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;* - *Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. - *Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Người điều hành khác; ...”*	
Điều 10 Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, thông qua quyết định của ĐHĐCĐ và cách thức phản đối quyết định	- Sửa đổi Điểm a Khoản 1	- *“a. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.”*	- *“a. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.”*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 1	- *“b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung*	- *“b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
ĐHĐCĐ		*chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ phiếu."*	*dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ phiếu. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến."*	
	- Bỏ Điểm c Khoản 1	- *"c. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng."*	- N/A	➢ Điều chỉnh nhằm làm chặt chẽ các quy định, tránh trùng lặp
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 2	- *"b. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thống kê trước, số thẻ không tán thành được thống kê sau, cuối cùng là số thẻ không có ý kiến."*	- *"b. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 4	- *"a. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 20, khoản 8 Điều 24 và khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành*	- *"a. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, Khoản 1 Điều 16, Khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 20 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).”	*có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).”*	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 4	- *“b. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):* - *Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;* *...*	- *“b. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản):* - *Sửa đổi và bổ sung Điều lệ và*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		- *Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; ...”*	*Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;* *...* - *Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; ...”*	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 5	- *“b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.”*	- *“b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.”*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Điều lệ
Điều 11 Lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị	- Sửa đổi Khoản 1	- *“1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:*	- *“1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác ĐHĐCĐ. Biên*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Khoản 1 Điều 150 LDN 2020 và Điều 22

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
quyết ĐHĐCĐ		… *d. Chủ toạ và thư ký;* … *g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;* *h. Các quyết định đã được thông qua; ...”*	*bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:* … *d. Họ, tên chủ toạ và thư ký;* *...* *g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;* *h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;* … *Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ, có chữ ký xác nhận của Chủ toạ ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp*	Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			ghi rõ việc Chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp."	
	- Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty."*	- *"3. Nghi quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 22 Điều lệ Công ty
Điều 12 Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty."*	- *"1. Trừ các vấn đề được pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ Công ty quy định bắt buộc phải thông qua bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp tại cuộc họp, HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghi quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với yêu cầu tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Quy chế mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 2	- *"a. Chuẩn bị tài liệu;* *HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của*	- *"a. Chuẩn bị tài liệu:* *HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghi quyết của*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 3 Điều 21 Điều lệ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. ... - *Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;* - *Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;* ... - *Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty."*	*ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.* ... - *Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;* - *Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;* ... - *Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT."*	Công ty và Khoản 3 Điều 149 LDN 2020
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 2	- *"c. Gửi tài liệu và lấy ý kiến cho cổ đông:* *Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải*	- *"c. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho Cổ đông:* *Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. ...”	*phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. ...”*	
	- Sửa đổi Điểm e Khoản 2	- *“e. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu:* *...* - *Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định</u>;* *...* - *Các quyết quyết định đã được thông qua;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty và của</u> người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. ...”*	- *“e. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu:* *...* - *Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>nghị quyết</u>;* *...* - *Các quyết định đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. ...”*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điểm e Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm f Khoản 2	- *“f. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:* *<u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại <u>Điều 20</u> Điều lệ Công ty và có giá trị như <u>quyết định</u> được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.”*	- *“f. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:* *<u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được quy định tại <u>Điều 21</u> Điều lệ Công ty và có giá trị như <u>Nghị quyết</u> được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.”*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ và quy định dẫn chiếu
Điều 13 Thông báo Nghị quyết và Biên bản họp	- Sửa đổi tên Điều 13	- ***“Điều 13: Thông báo <u>Quyết định</u> và Biên bản họp ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản)***	- ***“Điều 13: Thông báo <u>Nghị quyết</u> và Biên bản họp ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn***	➢ Điều chỉnh thuật ngữ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) ra công chúng		***ra công chúng"***	***bản) ra công chúng"***	
Điều 14 **Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ**	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:* *a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Quy chế này, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;* *b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp Luật hoặc Điều lệ Công ty."*	- *"1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:* *a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ Công ty;* *b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			ty."	
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền."*	- *"2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty và Khoản 3 Điều 152 LDN 2020
Điều 15 Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến	- Bổ sung Điều 15	- Chưa quy định	- *"1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến, có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (ii) các sự kiện khách*	➢ Điều chỉnh phù hợp với yêu cầu tại Khoản 4 Điều 2 Quy chế mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			quan khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tiếp. *2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức như quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:* *Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;* *a. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;* *b. Quy định về việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			nghị kết hợp trực tuyến; c. *Quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;* d. *Quy định về hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;* e. *Quy định về cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;* f. *Quy định về việc lập biên bản họp và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ;* g. *Các nội dung cần thiết khác có liên quan."*	
Điều 16 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	- Sửa đổi Điều 15 thành Điều 16	- ***"Điều 15: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT"***	- ***"Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế."*	- *"1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập</u>*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục."	
	- Sửa đổi Khoản 2	- "*2. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành và tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.*"	- "*2. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.* *Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:* *a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT có 05 thành viên;* *b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;* c. *Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.*"	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty
Điều 17 Tư cách thành	- Sửa đổi Điều 16 thành Điều 17	- "***Điều 16: Tư cách thành viên HĐQT***"	- "***Điều 17: Tư cách thành viên HĐQT***"	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
viên HĐQT	- Sửa Khoản 2	- *"2. Thành viên HĐQT của một công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên HĐQT của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán."*	- *"2. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	- Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên."*	- *"3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Điều hành."*	
Điều 18 Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT	- Sửa đổi Điều 17 thành Điều 18	- ***"Điều 17: Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT"***	- ***"Điều 18: Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới*	- *"1. Các Cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty và Khoản 5 Điều 115 LDN 2020

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) người."	*40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên."*	
Điều 19 Quy chế bầu cử thành viên HĐQT	- Sửa đổi Điều 18 thành Điều 19	- *"**Điều 18: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT**"*	- *"**Điều 19: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT**"*	
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 2	- *"d. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau."*	- *"d. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty."*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 24 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 7	- *"b. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:* *...* - *Các vấn đề đã được thông qua;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. ..."*	- *"b. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:* *...* - *Các vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;* - *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. ..."*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điểm e và Điểm f Khoản 5 Điều 21 Điều lệ
Điều 20 Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	- Sửa đổi Điều 19 thành Điều 20	- *"**Điều 19: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**"*	- *"**Điều 20: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**"*	
Điều 21 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	- Sửa đổi Điều 20 thành Điều 21	- *"**Điều 20: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**"*	- *"**Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**"*	
	- Sửa đổi Khoản 7	- *"7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);"*	- *"7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty <u>và các bên liên quan của Công ty</u> (nếu có);"*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 22 Công bố thông	- Sửa đổi Điều 21 thành Điều 22	- *"**Điều 21: Công bố thông tin**"*	- *"**Điều 22: Công bố thông tin**"*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
tin	- Sửa đổi nội dung	- *"Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."*	- *"Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán."*	➢ Điều chỉnh tương ứng với quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty
Điều 23 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	- Sửa đổi Điều 22 thành Điều 23	- ***"Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT"***	- ***"Điều 23: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ."*	- *"1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên thông qua quyết định đó phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về*	- *"2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Khoản 4 Điều 153 LDN 2020

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên không thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm."	*nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên."*	
	- Sửa đổi Khoản 5	- *"5. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác."*	- *"5. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành, các vị trí khác do HĐQT bổ nhiệm."*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi nội dung Khoản 6	- *"6. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:"*	- *"6. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:"*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 25 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 6	- *"a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;"*	- *"a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;"*	
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 6	- *"c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;"*	- *"c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;"*	
	- Bỏ Điểm d Khoản 6	- *"d. Giải quyết các khiếu nại của*	- N/A	➢ Loại bỏ theo quy

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Công ty đối với Cán bộ Quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Cán bộ Quản lý đó;"		định tại Điểm d Khoản 3 Điều 25 Điều lệ
	- Sửa đổi Điểm e thành Điểm d Khoản 6	- *"e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;"*	- *"d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;"*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 25 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm f thành Điểm e Khoản 6	- *"f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;"*	- *"e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;"*	
	- Sửa đổi Điểm g thành Điểm f Khoản 6	- *"g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;"*	- *"f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;"*	
	- Bỏ Điểm h Khoản 6	- *"h. Phê duyệt phương án đầu tư và dự án đầu tư, trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà không cần nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Quy chế này và Điều lệ Công ty, quyết định việc bán/chuyển nhượng tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã*	- N/A	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		được kiểm toán gần nhất;"		
	- Sửa đổi Điểm i thành Điểm g Khoản 6	- *"i. Quyết định giải pháp phát triển công nghệ, chuyển nhượng, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, sử dụng các biện pháp bảo đảm khoản vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 và khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;"*	- *"g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;"*	
	- Sửa đổi Điểm j thành Điểm h Khoản 6	- *"j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, cách chức Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của*	- *"h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối*	➢ Điều chỉnh theo quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;"	*với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty;"*	
	- Sửa đổi Điểm l thành Điểm j Khoản 6	- *"l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;"*	- *"j. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;"*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 25 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Điểm n thành Điểm l Khoản 6	- *"n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;"*	- *"l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;"*	
	- Sửa đổi Điểm o thành Điểm m Khoản 6	- *"o. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;"*	- *"m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;"*	
	- Sửa đổi Điểm p thành Điểm n Khoản 6	- *"p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;"*	- *"n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;"*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa dổi điểm q thành điểm o Khoản 6	*q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;*	*o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;*	
	- Bỏ Điểm r Khoản 6	- *"r. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Cán bộ Quản lý và quyết định mức lương của họ."*	- N/A	
	- Bổ sung Điểm p, q và r Khoản 6	- Chưa quy định	- *"p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;* *q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;* *r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty."*	
	- Bỏ Khoản 7	- *"7. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:* *a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;* *b. Thành lập các công ty con của Công ty;* *c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh*	- N/A	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); *d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;* *e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;* *f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách được HĐQT phê duyệt mà vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;* *g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;* *h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công*		

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; *i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;* *j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;* *k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;* *l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;* *m. Quyết định sử dụng các quỹ Công ty;* *n. Các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc Điều hành theo đề xuất của HĐQT."*		
	- Sửa đổi Khoản 8 thành Khoản 7	- *"8. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc Điều hành trong*	- *"7. Thành viên HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy đinh tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua."		
	- .Sửa đổi Khoản 9 thành Khoản 8	- *"9. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các Cán bộ Quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty."*	- *"8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Người điều hành và Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty."*	
	- Sửa đổi Khoản 10 thành Khoản 9	- *"10. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được."*	- *"9. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được."*	
	- Sửa đổi Khoản 11 thành Khoản 10	- *"11. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công*	- *"10. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty."	*các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty."*	
	- Bổ sung Khoản 13	- Chưa quy định	- *"13. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty"*	
Điều 24 Chủ tịch HĐQT	- Sửa đổi Điều 23 thành Điều 24	- *"**Điều 23: Chủ tịch HĐQT**"*	- *"**Điều 24: Chủ tịch HĐQT**"*	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc Điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường*	- *"1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty."*	➢ Điều chỉnh thống nhất Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		<u>niên.</u>"		
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 4	- *"b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập <u>và chủ toạ</u> cuộc họp HĐQT;"*	- *"b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp HĐQT;"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 4	- *"c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;"*	- *"c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, <u>quyết định</u> của HĐQT;"*	
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 4	- *"d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;"*	- *"d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, <u>quyết định</u> của HĐQT;"*	
	- Sửa đổi Điểm f Khoản 4	- *"f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:* *- <u>Phân công, phân nhiệm cho các thành viên HĐQT, các Tiểu ban của HĐQT, các hội đồng chuyên môn do HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thành lập. Chủ tịch HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Chủ tịch HĐQT để cùng (i) tham dự các cuộc họp của Chủ tịch HĐQT để lập biên bản, ghi chú; (ii) sắp xếp lịch họp của Chủ tịch HĐQT; (iii) tiếp nhận và tổng hợp các báo cáo, thông tin và/hoặc giải trình do các Cán bộ quản lý lập theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc/và (iv)</u>*	- *"f. Quyền và và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty <u>và các văn bản quy định nội bộ</u>, cụ thể:* *- <u>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu/thành viên góp vốn tại công ty nơi có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty con đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc cử hoặc hủy đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ở công</u>*	➢ Điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 26 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		thực hiện các công việc khác theo sự phân công, ủy quyền cụ thể của Chủ tịch HĐQT trong từng thời kỳ; - *Thay mặt HĐQT phê duyệt các chủ trương về ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý. Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;* - *Phê duyệt cơ cấu tổ chức, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền cho Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác hoặc ủy quyền cho các nhân viên khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;* - *Cử đại diện chủ sở hữu tại các Công ty con, bổ nhiệm, phân cấp phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch kiêm người đại diện theo pháp luật tại*	*ty đó. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên;* - *Quyết định các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT cho rằng cần thiết trong quá trình hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm vị trí trưởng chi nhánh/trưởng văn phòng đại diện. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên;* - *Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Công ty nếu không được quy định rõ trong Điều lệ này, trừ trường hợp thẩm quyền đó thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Điều lệ và pháp luật;* - *Chủ tịch HĐQT có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		các Công ty con, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con; - *Các thẩm quyền khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty."*	*dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc bộ phận của Công ty;* - *Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT."*	
Điều 25 **Các cuộc họp của HĐQT**	- Sửa đổi Điều 24 thành Điều 25	- "***Điều 24: Các cuộc họp của HĐQT***"	- "***Điều 25: Các cuộc họp của HĐQT***"	
	- Sửa đổi Khoản 3	- "*3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo các trường hợp được quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 27 Điều lệ Công ty."*	- "*3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo các trường hợp được quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Điều lệ Công ty.*"	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 27 Điều lệ Công ty
Điều 26 **Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT**	- Sửa đổi Điều 25 thành Điều 26	- "***Điều 25: Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT***"	- "***Điều 26: Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT***"	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 1	- "*a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần*	- "*a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các*	➢ Điều chỉnh tương ứng với quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp;"	*<u>vấn đề thảo luận và quyết định</u> kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp;"*	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 3	- *"a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);"*	- *"a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành <u>và thông qua</u> các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 5	- *"b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;"*	- *"b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết <u>trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ</u>;"*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Điểm b Khoản 9 Điều 27 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 5	- *"d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;"*	- *"d. HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 7 Điều 33 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;"*	➢ Cập nhật dẫn chiếu
	- Sửa đổi Điểm f Khoản 5	- *"f. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định."*	- *"f. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 6	- *"d. Trường hợp tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên HĐQT gửi qua văn bản hoặc email để lập biên bản họp HĐQT và Nghị quyết HĐQT. Việc biểu quyết bằng văn bản hoặc email của các thành viên HĐQT chỉ có giá trị pháp lý khi thành viên HĐQT ký vào biên bản cuộc họp."*	- *"d. Trường hợp tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên HĐQT gửi qua văn bản hoặc email để lập biên bản họp HĐQT và Nghị quyết HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền*	➢ Điều chỉnh tương ứng với Khoản 13 Điều 27 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			biểu quyết. HĐQT ban hành nguyên tắc thông qua nghị quyết theo các hình thức này và giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn hình thức áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế, tùy từng thời điểm. *Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ."*	
	- Bổ sung Khoản 7	- Chưa quy định	- *"7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT* *Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại cuộc họp và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nhau."*	➢ Điều chỉnh bổ sung theo yêu cầu tại Điểm g và h Khoản 4 Điều 3 Quy chế mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	- Bổ sung Khoản 8	- Chưa quy định	- *"8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT* *Thành viên HĐQT có thể biểu quyết thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			đa số thành viên HĐQT trong cuộc họp chấp thuận."	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 7 thành Điểm a Khoản 9	- "*a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:* *...* - *Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;* *...* - *Các quyết định đã được thông qua. ...*"	- "*a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:* *...* - *Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp <u>và cách thức dự họp</u>; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;* *...* - *Các quyết định đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;* - *<u>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp</u>.* *<u>Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực</u>. ...*"	➢ Điều chỉnh thống nhất với Khoản 14 Điều 27 Điều lệ Công ty và Khoản 1 và 2 Điều 158 LDN 2020

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Bỏ Điểm c Khoản 7	- *"c. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp coi như không có giá trị."*	- N/A	
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 7 thành Điểm c Khoản 9	- *"d. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản."*	- *"c. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh."*	➢ Điều chỉnh nội dung để tránh trùng lặp với quy định tại Điều này
Mục 5	- Sửa đổi Tiêu đề	- ***"MỤC 5. CƠ CẤU VÀ CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT"***	- ***"MỤC 5. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY"***	
Điều 27 Các Tiểu ban của HĐQT	- Bổ sung Điều 27	- N/A	- ***"Điều 27: Các Tiểu ban của HĐQT*** *1. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa*	➢ Các Tiểu ban, nhiệm vụ, quyền hạn của các Tiểu ban này sẽ do HĐQT quyết định cụ thể

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT. *2. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót."*	
N/A	- Bỏ các Điều 26, 27, 28, 29	- **Điều 26. Các Tiểu ban của HĐQT.** - **Điều 27. Thẩm quyền của các Tiểu ban HĐQT** - **Điều 28. Thành phần các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.** - **Điều 29. Chủ tịch Tiểu ban**	- N/A	
Điều 28 Người phụ trách quản trị Công ty	- Sửa đổi Điều 30 thành Điều 28	- "***Điều 30: Người phụ trách quản trị Công ty***"	- "***Điều 28: Người phụ trách quản trị Công ty***"	
	- Sửa đổi Khoản 1	- "*1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm."*	- "*1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ*	➢ Điều chỉnh tương ứng với Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm."	
	- Sửa đổi Điểm c Khoản 2	- "*c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.*"	- "*c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.*"	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Khoản 3	- "*3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.*"	- "*3. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.*"	➢ Điều chỉnh làm rõ hơn quyền của HĐQT đối với việc bãi nhiệm, miễn nhiệm vị trí người phụ trách quản trị công ty
	- Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- "*4. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán về Công bố thông tin.*"	
	- Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 5	- "*4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:* *...* *g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.* *h. Bảo mật thông tin theo các quy*	- "*5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:* *...* *g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;* *h. Giám sát và báo cáo HĐQT*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		định của pháp luật và Điều lệ Công ty; i. *Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty."*	*về hoạt động công bố thông tin của Công ty.* *i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;* j. *Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty."*	
Điều 29 **Thù lao của HĐQT**	- Sửa đổi Điều 31 thành Điều 29	- "***Điều 31: Thù lao của HĐQT***"	- '***Điều 29: Thù lao của HĐQT***"	
Điều 30 **Ứng cử, đề cử thành viên BKS**	- Sửa đổi Điều 32 thành Điều 30	- "***Điều 32: Ứng cử, đề cử thành viên BKS***"	- "***Điều 30: Ứng cử, đề cử thành viên BKS***"	
Điều 31 **Tư cách thành viên BKS**	- Sửa đổi Điều 33 thành Điều 31	- "***Điều 33: Tư cách thành viên BKS***"	- "***Điều 31: Tư cách thành viên BKS***"	
	- Sửa đổi Khoản 3	- "*3. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty."*	- "*3. Các thành viên BKS không phải là Người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác của Công ty.*"	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- "*4. Tất cả các thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên."*	➢ Được chuyển từ Điều 32 Quy chế này lên để phù hợp với vấn đề nêu tại tiêu đề
Điều 32	- Sửa đổi Điều 34 thành	- "***Điều 34: Thành phần BKS***"	- "***Điều 32: Thành phần BKS***"	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Thành phần BKS	Điều 32			
	- Bỏ Khoản 2	- *"2. Tất cả các thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên."*	- N/A	➢ Điều chỉnh thống nhất với Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty, Khoản 2 Điều này chuyển lên Khoản 1 Điều 31 Quy chế này
	- Sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 2	- *"3. BKS phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:* *a. Triệu tập cuộc họp BKS;* *b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;* *c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ."*	- *"2. BKS phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:* *a. Triệu tập cuộc họp BKS;* *b. Yêu cầu HĐQT, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;* *c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ."*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 3	- *"4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên."*	- *"3. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên."*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Khoản 8 thành Khoản 7 - Sửa đổi Khoản 9 thành Khoản 8	- *"8. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:* *a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;* *b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;* d. *Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này."*	- *"7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:* *a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;* *b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;* *c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty."*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Điều 35.6 và 35.7 Điều lệ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		- *"9. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:* *a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;* *b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;* *c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;* d. *Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này."*	- *"8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:* *a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;* *b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;* *d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;* *e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty."*	
Điều 33 Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS	- Sửa đổi Điều 35 thành Điều 33	- ***"Điều 35: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS"***	- ***"Điều 33: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của BKS. Thư ký công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao*	- *"1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Người điều hành có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của BKS. Thư ký công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT."	*chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT."*	
Điều 34 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS	- Sửa đổi Điều 36 thành Điều 34	- *"**Điều 36: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS**"*	- *"**Điều 34: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS**"*	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:"*	- *"1. BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:"*	➢ Điều chỉnh thống nhất với quy định tại Điều 36 Điều lệ
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 1	- *"a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;"*	- *"a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;"*	
	- Bổ sung các Điểm b, c, d, e, f, g, h, i	- Chưa quy định	- *"b. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp; *d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông;* *e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, và Người điều hành của Công ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;* *f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;* *g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;* *h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
			việc; *i. Có quyền yêu cầu HĐQT và Người quản lý doanh nghiệp cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;"*	
	- Bổ sung Điểm q Khoản 1	- Chưa quy định	- *"q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và của Công ty."*	
	- Bỏ Khoản 2	- *"2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS."*	- N/A	➢ Đã được quy định tại quyền và nghĩa vụ của BKS tại Khoản 2 Điều 34 Quy chế này
	- Sửa đổi Khoản 5 thành Khoản 4	- *"5. <u>Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn</u>*	- *"4. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo <u>nêu tại điểm e khoản 1 Điều này</u>, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy*	➢ Điều chỉnh để hạn chế trùng lặp với Điểm e Khoản 1 Điều 34 Quy chế này

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này."	*ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này."*	
	- Bỏ Khoản 6	- *"6. BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty."*	- N/A	➢ Nội dung này đã được thay thế bởi nội dung được bổ sung mới tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 34 Quy chế này
	- Bỏ Khoản 7	- *"7. BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này."*	- N/A	
Điều 35 Thù lao của BKS	- Sửa đổi Điều 37 thành Điều 35	- ***"Điều 37: Thù lao của BKS"***	- ***"Điều 35: Thù lao của BKS"***	
Điều 36 Tổ chức bộ máy quản lý	- Sửa đổi Điều 38 thành Điều 36	- ***"Điều 38: Tổ chức bộ máy quản lý"***	- ***"Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý"***	
	- Sửa đổi nội dung	- *"Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự*	- *"Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và một số lượng các Cán bộ Quản lý cần thiết do HĐQT bổ nhiệm để phù hợp với yêu cầu thực tế của Công ty tùy từng thời điểm. Công ty cũng đồng thời có Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT và nằm dưới sự giám sát của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 26 Quy chế này."	*dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và một số lượng các Người điều hành do HĐQT/Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm để phù hợp với yêu cầu thực tế của Công ty tùy từng thời điểm. Công ty cũng đồng thời có Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT theo quy định tại Điều 39 Quy chế này."*	
Điều 37 Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành	- Sửa đổi Điều 39 thành Điều 37	- "***Điều 39: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành***"	- "***Điều 37: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành***"	
	- Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Tiêu chuẩn chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc Điều hành: Ngoài những tiêu chuẩn tại điều 65 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Điều hành còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:* *a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về quản trị kinh doanh;* *b. Không phải là thành viên BKS Công ty;* *c. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.* *Tùy theo từng giai đoạn phát triển của*	- *"3. Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc Điều hành: Ngoài những tiêu chuẩn tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Điều hành còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:* *a. Không phải là thành viên BKS Công ty;* *b. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.* *Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Điều*	➢ Cập nhật theo quy định tại Điều 64 LDN 2020

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT quyết định."	*hành do HĐQT quyết định."*	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 4	- "a. *Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;"*	- *"a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ"*	➢ Điều chỉnh thống nhất với quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty và điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 4	- "b. *Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;"*	- *"b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;"*	
	- Bổ sung Điểm c Khoản 4	- Chưa quy định	- *"c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;"*	
	- Sửa đổi Điểm c thành Điểm d Khoản 4	- "c. *Kiến nghị số lượng các loại Cán bộ Quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch do HĐQT đề ra, quyết định số lượng người lao động, mức*	- *"d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh khác ngoài các chức danh thuộc*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người lao động trừ các vị trí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;"	*thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT hoặc theo quyết định từng thời điểm của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc Điều hành;"*	
	- Bổ sung Điểm e và f Khoản 4	- Chưa quy định	- *"e. Tuyển dụng lao động;* *f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;"*	
	- Sửa đổi Khoản 6	- *"6. ... Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền cho người khác."*	- *"6. ... Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền lại cho người khác."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Bổ sung Khoản 9	- Chưa quy định	- *"9. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc* *Việc Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật lao động."*	➢ Bổ sung theo quy định tại Điểm d và đ Khoản 2 Điều 5 Quy chế mẫu mới theo Thông tư

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Bổ sung Khoản 10	- Chưa quy định	- *"10. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc* *Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được thông báo tới các bên liên quan, được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật."*	116/2020/TT-BTC
Điều 38 **Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Người điều hành**	- Chuyển Điều 40 thành Điều 38	- ***Điều 40: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Cán bộ Quản lý khác***	- ***Điều 38: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Người điều hành***	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	– Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Bổ nhiệm: Cán bộ Quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều này và phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài Tổng Giám đốc Điều hành, các vị trí Cán bộ Quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại khoản k Điều 1 Điều lệ Công ty bao gồm:* *a.Các Phó Tổng Giám đốc;* *b.Các Giám đốc bộ phận;* *c. Kế toán trưởng; và* *d.Các vị trí quản lý khác trong Công*	1. *"1. Bổ nhiệm: Người điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều này và phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài Giám đốc Bộ phận thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT, các Người điều hành khác thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty bao gồm:* *a. Tổng Giám đốc điều hành;* *b. Các Phó Tổng Giám đốc;* *c. Giám đốc Tài chính;*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		ty được HĐQT phê chuẩn, căn cứ theo nhu cầu thực tế của Công ty trong từng giai đoạn.	*d. Kế toán trưởng."*	
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Cán bộ Quản lý:..."*	- *"2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Người điều hành:..."*	
	- Sửa đổi Khoản 3	- *"3. Quyền hạn và nhiệm vụ: HĐQT bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý nhằm giúp việc cho Tổng Giám đốc Điều hành trong việc quản lý điều hành chung Tập đoàn và trực tiếp phụ trách một số chức năng theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp công việc và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành."*	- *"3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Người điều hành được bổ nhiệm nhằm giúp việc cho Tổng Giám đốc Điều hành trong việc quản lý điều hành chung Công ty và trực tiếp phụ trách một số chức năng theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp công việc và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành."*	
	- Sửa đổi Khoản 4	- *"4. Miễn nhiệm: Cán bộ Quản lý bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:* *a. Có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty;* *b. Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này;* *c. Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;*	- *"4. Miễn nhiệm: Người điều hành bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:* *a. Có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty;* *b. Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này;* *c. Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		d. Hết nhiệm kỳ và không có quyết định tái bổ nhiệm (đối với các trường hợp các chức danh bổ nhiệm có nhiệm kỳ); *e. Cán bộ Quản lý có thể bị thôi nhiệm bất kỳ khi nào bằng một nghị quyết của HĐQT nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động và pháp luật liên quan."*	*d. Hết nhiệm kỳ và không có quyết định tái bổ nhiệm (đối với các trường hợp các chức danh bổ nhiệm có nhiệm kỳ);* *e. Người điều hành có thể bị thôi nhiệm bất kỳ khi nào bằng một nghị quyết của HĐQT nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động và pháp luật liên quan."*	
Điều 39 Kiểm toán Nội bộ	- Chuyển Điều 41 thành Điều 39	- ***"Điều 41: Kiểm toán Nội bộ"***	- ***"Điều 39: Kiểm toán Nội bộ"***	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 1	- *"b. Thành viên ban KTNB không phải là Cán bộ Quản lý được HĐQT bổ nhiệm và những người có liên quan đến các thành viên này."*	- *"b. Thành viên ban KTNB không phải là Người điều hành được HĐQT/Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm và những Người có liên quan đến các thành viên này."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 1	- *"d. Thành viên ban KTNB có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu phục vụ công tác của ban KTNB theo quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài chính theo yêu cầu của các thành viên ban KTNB."*	- "d. *Thành viên ban KTNB có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu phục vụ công tác của ban KTNB theo quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài chính theo yêu cầu của các thành viên ban KTNB."*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Điều 40 **Chế độ hội họp, báo cáo**	- Chuyển Điều 42 thành Điều 40	- ***"Điều 42: Chế độ hội họp, báo cáo"***	- ***"Điều 40: Chế độ hội họp, báo cáo"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Tổng Giám đốc Điều hành chủ trì các cuộc họp định kỳ và bất thường (theo quyết định của Tổng Giám đốc Điều hành hoặc có yêu cầu từ HĐQT, Chủ tịch HĐQT) với các Cán bộ Quản lý của Công ty để tổng kết đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của HĐQT và triển khai kế hoạch công việc."*	- *"1. Tổng Giám đốc Điều hành chủ trì các cuộc họp định kỳ và bất thường (theo quyết định của Tổng Giám đốc Điều hành hoặc có yêu cầu từ HĐQT, Chủ tịch HĐQT) với các Người điều hành của Công ty để tổng kết đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của HĐQT và triển khai kế hoạch công việc."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
Điều 41 **Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS**	- Chuyển Điều 43 thành Điều 41	- ***"Điều 43: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS"***	- ***"Điều 41: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS"***	
	- Sửa đổi nội dung	- *"Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Tập đoàn với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Tập đoàn đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Tập đoàn, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành...."*	- *"Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành....."*	Điều chỉnh thuật ngữ
Điều 42 **Mối quan hệ**	- Chuyển Điều 44 thành Điều 42	- ***"Điều 44: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám***	- ***"Điều 42: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám***	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc		***đốc"***	***đốc"***	
	- Sửa đổi nội dung	- *"Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về công việc được giao.* *Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Tập đoàn và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày."*	- *"Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
Điều 43 Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc	- Chuyển Điều 45 thành Điều 43	- ***"Điều 45: Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc"***	- ***"Điều 43: Mối quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc"***	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 2	- *"b. BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý hoặc yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;"*	- *"b. BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, Người điều hành hoặc yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hạicó nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;"*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm a và	- *" a. BKS có quyền yêu cầu Ban*	- *"a. BKS có quyền yêu cầu Ban*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	Điểm b Khoản 2	*Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ Quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;* - *b. BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Tổng Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc và giữa Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý;"*	*Tổng Giám đốc, Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;* - *b. BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Tổng Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc và giữa Ban Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác;"*	
Điều 44 Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi	- Sửa đổi Điều 46 thành Điều 44	- ***"Điều 46: Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác"***	- ***"Điều 44: Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác."*	- *"1. Thành viên BKS, Người quản lý doanh nghiệp và Những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty."*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Điều 33 Điều lệ Công ty
	- Sửa đổi Khoản 2	- *"2. Thành viên HĐQT, thành viên*	- *"2. Thành viên BKS và Người quản*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		BKS, Tổng Giám đốc Điều hành và Cán bộ Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác."	*lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin."*	
	- Bổ sung Khoản 3	- Chưa quy định	- *"3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc những Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp."*	
	- Bổ sung Khoản 4	- Chưa quy định	- *"4. Thành viên BKS và Người quản lý doanh nghiệp khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan."*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 5	- *"3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận."*	- *"5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác."*	
	- Bổ sung Khoản 6	- Chưa quy định	- "6. *ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó."*	
	- Sửa đổi Khoản 4 thành Khoản 7	- *"4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản*	- *"7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành hoặc những*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:"	*người liên quan đến họ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:"*	
	- Sửa đổi Điểm a Khoản 4 thành Điểm a Khoản 7	- *"a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc Tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;"*	- *"a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;"*	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 4 thành Điểm b Khoản 7	- "b. *Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan*	- "*b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;"	*từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan."*	
	- Bỏ Điểm c Khoản 4	- *"c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một Tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.* *Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác*	- N/A	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		để thực hiện các giao dịch có liên quan."		
Điều 45 Đào tạo về quản trị công ty	- Chuyển Điều 47 thành Điều 45	- ***"Điều 47: Đào tạo về quản trị công ty"***	- ***"Điều 45: Đào tạo về quản trị công ty"***	
	- Sửa đổi nội dung	- *"Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Thư ký công ty, cán bộ chuyên trách công bố thông tin của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận."*	- *"Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty, cán bộ chuyên trách công bố thông tin của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận."*	Điều chỉnh thuật ngữ
Điều 46 Nguyên tắc công bố thông tin	- Sửa đổi Điều 48 thành Điều 46	- ***"Điều 48: Nguyên tắc công bố thông tin"***	- ***"Điều 46: Nguyên tắc công bố thông tin"***	
	- Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 thành Khoản 1	- *"1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông, nhà đầu tư.*	- *"1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.*	➢ Điều chỉnh thống nhất với Điều 295 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời."	*Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng"*	
	- Sửa đổi Khoản 3 thành Khoản 2	- *"3. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành về công bố thông tin."*	- *"2. . Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư."*	➢ Điều chỉnh phù hợp với Điều 295 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 47 Khen thưởng – Kỷ luật	- Sửa đổi Điều 49 thành Điều 47	- ***"Điều 49: Khen thưởng – Kỷ luật"***	- ***"Điều 47: Khen thưởng – Kỷ luật"***	
	- Sửa đổi Điểm b Khoản 1	- *"b. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc Tiểu ban."*	- *"b. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban chuyên môn quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc Tiểu ban."*	➢ Điều chỉnh thuật ngữ
	- Sửa đổi Điểm d Khoản 1	- *"d. Đối với đối tượng là Cán bộ Quản lý: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn."*	- *"d. Đối với đối tượng là Người điều hành: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn."*	

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
	- Sửa đổi Điểm b và Điểm c Khoản 2	- *"b. Thành viên HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;* *c. Thành viên HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.*	- *"b. Thành viên HĐQT, BKS, Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;* *c. Thành viên HĐQT, BKS, Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật."*	
Điều 48 **Tổ chức thực hiện**	- Chuyển Điều 50 thành Điều 48	- ***"Điều 50: Tổ chức thực hiện"***	- ***"Điều 48: Tổ chức thực hiện"***	
Điều 49 **Hiệu lực thi hành**	- Chuyển Điều 51 thành Điều 49	- ***"Điều 51: Hiệu lực thi hành"***	- ***"Điều 49: Hiệu lực thi hành"***	
	- Sửa đổi Khoản 1	- *"1. Quy chế này gồm 9 Chương và 51 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí*	- *"1. Quy chế này gồm 9 Chương và 49 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long*	➢ Thay đổi về số lượng điều khoản trong Quy chế

PHỤ LỤC II

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
		thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này."	*nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này."*	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TP.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 10
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 10
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị 11
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 12
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 12
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 13
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành 13
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 14
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14
Điều 24. Hiệu lực thi hành 14

Căn cứ

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ... ngày 29 tháng 06 năm 2021.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo khoản 2, 3, 4, 5, 6 , 7, 8 Điều 26 Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của

Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trường của Công ty;

i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;

j. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Tổ chức việc chi trả Cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐthông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133Luật Doanh nghiệp;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm

cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc Những người liên quan đến họ theo khoản 7, Điều 33 Điều lệ Công ty.

.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội

đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA BAN KIỂM SOÁT

TP.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2021

Chương I 3
QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 3
Chương II 3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) 3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
Chương III 6
BAN KIỂM SOÁT 6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 8
Chương IV 8
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 8
Chương V 8
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 9
Chương VI 10
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 10
Chương VII 10
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 10
Điều 22. Hiệu lực thi hành 10

Căn cứ

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 29 tháng 06 năm 2021;*

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm

thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN